NHỊ TẤN

NHẠC TÀI TỬ NAM BỘ

Tập I

Trung Tâm Văn Hóa Quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử Quận 8
Năm 1997

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Nhạc Tài Tử Nam Bộ

TẬP 1

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lời Nói Đầu

Tôi biên soạn quyển Nhạc Tài Tử Nam Bộ này với 2 lý do sau đây :

1.– *Làm theo lời hứa của cố nhạc sĩ Võ Tấn Hưng tức Năm Hưng, tác giả quyển Cổ Nhạc Tầm Nguyên. Năm 1973, anh Năm đã đem quyển Cổ Nhạc Tầm Nguyên gồm 3 tập đánh máy trong đó bao gồm các bài bản căn bản của Nhạc Tài Tử Nam Bộ và các bài bản nhỏ Sân khấu Cải lương (bản đờn và bài ca), nhờ tôi điều chỉnh, bổ sung và cho đánh máy lại hầu đem phổ biến trong giới chơi Nhạc Tài Tử và sau đó nếu có đủ điều kiện tài chánh anh sẽ xuất bản.*

Những bài bản trong quyển Nhạc Tài Tử này phần lớn là trích ra từ quyển Cổ Nhạc Tầm Nguyên của anh Năm Hưng. Nhớ khoảng năm 1959 -1960 khi tôi đến chơi nhà của anh tại bến Phạm Thế Hiển Quận 8 thì lúc nào, nếu không có học trò của anh học ca thì anh ngồi trước máy đánh chữ loại xách tay cặm cụi đánh từng bản đờn và lời ca. Anh tâm sự :"Tôi đã sưu tầm số bài bản này trong suốt mấy mươi năm khi tôi theo đờn các đoàn hát lưu diễn khắp các miền đất nước và tôi đã biên soạn và đánh máy suốt 11 năm nay mà chưa xong".

Qua câu tâm sự của anh cho thấy rằng anh đã có công rất lớn trong việc sưu tầm bài bản mà hôm nay Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử Quận 8 thừa hưởng được.Thay mặt Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử Quận 8 xin chân thành biết ơn anh.

2.– *Phong trào Đờn Ca Tài Tử Nam bộ đã phát triển đều khắp trên mọi miền đất nước. Bài Bản bị tam sao thất bổn, do đó những bài bản thường không được thống nhứt nơi các Nhóm Tài Tử. Phổ biến quyển Nhạc Tài Tử Nam Bộ với hy vọng đáp ứng được nhu cầu của giới chơi Nhạc Tài Tử và mục đích chánh là đưa ra số bài bản để tham khảo cùng các bè bạn tri âm hầu chúng ta sau khi hội ý và đồng thuận, có được những bài bản vừa thống nhứt, vừa căn bản lại lại vừa hay.*

Đó là tôi đã góp phần vào việc bảo tồn và phát huy Đờn Ca Tài Tử Nam Bộ vậy.

Quận 8, ngày 24 tháng 3 năm 1997.
Nguyễn Tấn Nhì

Digitized by www.namkyluctinh.org

Quyển Nhạc Tài Tử Nam Bộ bao gồm :

1 - Phần Chánh Biên :

Biên soạn các bản đờn và bài ca trong hệ thống Bắc, Hạ, Nam, Oán, Ngự của Đờn Ca Tài Tử Nam Bộ.

2 - Phần Phụ Lục :

Ghi Lại nội dung các buổi sanh hoạt Câu lạc bộ, các bài ca sưu tầm, những bài nghiên cứu liên quan đến Nhạc Tài Tử Nam Bộ.

Quyển Bài Bản Sân Khấu Cải Lương sẽ được biên soạn sau.

Ba Dư (Tranh), **Nhị Tấn** (Kìm), **Năm Lòng** (Cò)
Năm Bửu (Tam), **Tư Huyện** (Tiêu)**, Văn Giỏi** (Ghita).

(hòa tấu trong Băng nhạc Continental)

(Năm1973)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Chú Thích

Sự ký nhạc trong quyển này phần lớn là căn cứ vào dây Hò I của đờn Kìm (Nguyệt Cầm).

Hệ thống chữ đờn trong Nhạc Tài Tử : Hò, Xự, Xư (Y), Xang, Xê, Cống, Phan (Oan), Liu – tương đương với Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si, Đô, Rế của âm thanh mẫu Nhạc Tây Phương :

Hò I	=	Sol
Hò II	=	La
Hò III	=	Đô
Hò IV	=	Rê
Hò V	=	Mi

Tuy nhiên có thể lên xuống dây đờn tùy theo giọng cao hay thấp, thí dụ : Hò I (Fa), Hò II (Sol), Hò III (Si), Hò IV (Đô), Hò V (Rê).

Nhịp nội	:	chữ đờn đứng trong khung. Thí dụ : (LIU)
Nhịp ngoại	:	chữ đờn đứng ngoài khung. Thí dụ : Liu (- -)
Hò, Liu	:	cùng một âm nhưng ở độ trầm và bổng
Tồn	:	Xàng
Tang	:	Liu
Là	:	Hò
La	:	Liu
Tịch	:	Cộng chận không rung
Tích	:	Xáng chận không rung
Nhịp mô	:	nhịp đầu câu không có chữ đờn, chỉ gõ vào mô đờn như đờn tranh hoặc thùng đờn như đờn kìm, ghi ta phím lỏm...
Câu chầu	:	gạch đít dưới chữ đờn (những nhịp này không lời ca).

Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Tấn Nhì
-635/4x - 5x đường Hưng Phú, phường 9, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: 38557545.
-B12/375A đường Liên Ấp 2 - 3, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh,
Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: 37781399.
DĐ: 0976796048
Email 8557545@gmail.com

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lược Khảo

Giữa cuối thế kỷ 19, Nhạc Tài Tử được phổ biến ở đất Nam Bộ là do các thầy đờn gốc miền Trung cùng một số sĩ tử ra kinh đô Huế du học mang về. Nhạc Tài Tử lúc ấy còn nghèo nàn về bài bản cũng như hơi điệu, chỉ vài bản Lý, vài bản hơi Bắc, Nam, Dựng...

Từ khi một số nhạc công của triều đình bỏ kinh thành vào Nam cũng như sau này có một số sĩ phu yêu nước, hưởng ứng Phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi khởi xướng (1885), bị Pháp lưu đày, làm nghề dạy nhạc, thâu nhận học trò thì từ đó Nhạc Tài Tử đã trở thành một phong trào rộng khắp trên đất Nam Bộ.

Tiếp thu được những tinh hoa của Nền âm nhạc ngũ cung đông phương, cũng như với trình độ học vấn uyên thâm, họ đã cải biên những bài bản của Ca nhạc Huế và đồng thời sáng tác mới một số bài bản và lời ca, hợp với ngôn ngữ của cư dân vùng đất mới, tạo thành những nhạc phẩm hoàn chỉnh, mang tính bác học.

Nhạc Tài Tử là loại nhạc tinh hoa nhứt trong Nền âm nhạc cổ truyền Việt Nam. Người chơi Nhạc Tài Tử có thể đờn hay hoặc đờn dở, chuyên nghiệp để kiếm sống hay chơi nhạc để giải trí.

Nhạc Tài Tử là một loại nhạc có tính cách tiêu khiển khi nhàn rỗi, không có tính sân khấu, chỉ cần vài ba người với vài ba cây đờn trong số các nhạc cụ như Tranh, Kìm, Cò, Gáo, Tỳ Bà, Tam, Đoản, Tiêu, Sáo, Độc Huyền, Song Lang, ngồi dưới bóng cây, trên bộ ván hay quanh bàn tròn là có thể du dương trầm bổng trong tiếng nhạc và lời ca.

Nhạc Tài Tử là loại nhạc tâm tấu tức do tâm tư tình cảm và sự cảm hứng ngoại cảnh mà tự do sáng tạo chữ đờn. Như vậy bản đờn có quyền thúc nhịp hoặc lơi nhịp tùy theo người đờn ca chung với mình, cũng như có quyền thêm hay bớt chữ đờn trong lòng câu của bài bản, miễn là giữ đúng điệu và đúng nhịp đã qui định mà thôi.

Tên những bài bản Nhạc Tài Tử thường không liên quan đến tính chất của làn điệu, chẳng hạn như bản Lưu Thủy, đờn lên không nghe tiếng nước chảy, bản Hành Vân không thấy có mây bay, ngoại trừ bản Xuân Tình (lớp Điểu Ngữ), Ái Tử Kê, đờn và gõ mô tượng thanh tiếng chim kêu, tiếng gà con mổ trên nia gạo...

Giới chơi Nhạc Tài Tử từ lâu không phân biệt hơi và điệu. Do đó ta thấy các nhạc sĩ đi trước đã dùng lẫn lộn hơi Bắc, điệu Bắc, hơi Oán, điệu Oán... trong các bài bản được lưu lại. Nhạc Tài Tử thuộc hệ thống Nhạc ngũ

Digitized by www.namkyluctinh.org

cung đông phương nên khi phân tích hơi, điệu ta không thể căn cứ vào các nguyên tắc và phương pháp của Nhạc Tây Phương được.

Cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, tại Nam Bộ đã có 2 nhóm Nhạc Tài Tử tranh đua nhau quyết liệt về sáng tác bài bản để thu hút môn đệ về mình. Đó là nhóm Nhạc Tài Tử Miền Đông do ông Nguyễn Quang Đại tức Ba Đợi làm trưởng nhóm và nhóm Nhạc Tài Tử Miền Tây do ông Kinh Lịch Trần Quang Quờn làm trưởng nhóm, đã làm cho kho tàng bài bản Nhạc Tài Tử Nam Bộ thêm phong phú về hơi điệu và số lượng.

Trước tiên ta hãy nói về nhóm Nhạc Miền Tây. Nhóm nhạc này được sự cộng tác của các ông Nguyễn Liêng Phong (thầy đờn kiêm nhà văn), Phạm Đăng Đàng (sĩ phu yêu nước, gốc miền Trung bị Pháp lưu đày, soạn bài ca), Nguyễn Tùng Bá (thầy đờn, con của ông Nguyễn Liêng Phong) cùng các ông Thập, ông Thủ (thầy đờn), chủ trương duy trì nguyên tắc đã được các bài bản Nhạc miền Trung áp dụng để cấu tạo âm thanh, vẫn giữ đúng 3 nhịp : Nội, Ngoại Hoán Pháp và Chánh Thất, thâu nạp một số bài bản đã có sẵn và đồng-thời sáng tác mới nhưng vẫn giữ nguyên vẹn phương thức, âm tiết của Nhạc miền Trung. Do đó các sáng tác của nhóm này, giới chơi Nhạc Tài Tử ít hưởng ứng.

Trái lại, nhóm Nhạc Miền Đông được sự cộng tác của nhiều văn nhân lỗi lạc cùng với số học trò tài ba của ông Nguyễn Quang Đại như : Sáu Thới, Bảy Nhỏ, Tám Hạnh, Cao Quỳnh Cư, Cao Quỳnh Diêu, Sáu Thoàng, Chín Chiêu, Năm Tịnh, Năm Khiết, Ba Đồng, Năm Huỳnh, Tư Chợ, Năm Cần, Giáo Thinh, Cao Hoài Sang, đã chỉnh biên các bài bản của Ca nhạc Huế bằng cách giản dị hóa lối ấn nhịp, để tạo ra nhạc điệu, hòa hợp với ngôn ngữ của cư dân miền đất Nam Bộ. Bài bản chỉ có 2 loại nhịp : nhịp Nội và nhịp Ngoại.

Từ đầu thế kỷ 20, giới chơi Nhạc Tài Tử Nam Bộ muốn tranh đua, thách thức nhau, đều mang số bài bản thuộc 4 hơi điệu Bắc, Hạ, Nam, Oán ra làm căn cơ bài bản để so tài. Các bài bản này gồm có 20 bản tiêu biểu gọi là 20 Bản Tổ (6 bản Bắc, 3 bản Nam, 7 bài Nhạc lễ và 4 bản Oán) như sau:

I . ĐIỆU THỨC BẮC:

*Chơi Nhạc Tài Tử, bao giờ cũng mở đầu buổi đờn ca bằng điệu thức Bắc. Điệu này theo hệ thống ngũ cung chánh (chuẩn) Hò, Xự, Xang, Xê, Cống, không nhấn, không rung, lấy âm Xàng, Liu làm âm chủ. Điệu Bắc gồm có 6 bản, mỗi bản lấy một chữ trong hệ thống ngũ cung chánh làm chữ khởi đầu : Lưu Thủy (**Hò**), Phú Lục (**Xự**), Bình Bán (**Xang**), Cổ Bản (**Xê**), Xuân Tình (**Cống**), Tây Thi (**Liu** đồng âm với **Hò** nhưng ở cung cao). Bốn bản đầu là 4 bản đã chỉnh biên và nới nhịp theo phong cách Nhạc Tài Tử Nam Bộ của 4 bản Nhạc miền Trung. Bản Xuân Tình là một sáng tác mới, chỉ lấy cái tên Xuân Tình của bản Xuân Tình Điểu Ngữ ghi trong nhạc mục đời vua Tự Đức mà thôi. Bản Tây Thi do nhóm nhạc sĩ đi dự Vạn Quốc Bác Lãm Hội tại Paris (Pháp quốc) năm*

Digitized by www.namkyluctinh.org

1900 sáng tác để mĩa mai chuyện Cổ nhạc Việt Nam đi Tây, thi trước Hội đồng giám khảo toàn là người Pháp. Sáu bản Bắc lại được chia ra làm 6 bản Bắc Thủ và 6 bản Bắc Vĩ. Mỗi bản có 3 cách nhịp : cấp điệu (nhịp tẩu), trung điệu (nhịp vắn) và quãng điệu (nhịp chấn, nhịp trường). Như vậy điệu Bắc có 18 bản Thủ và 18 bản Vĩ (thường gọi là Thập Bát Thủ và Thập Bát Vĩ). Thông thường trong buổi đờn ca thì 6 bản Bắc được chơi từng cặp theo thứ tự Lưu Thủy Phú Lục, Bình Bán Xuân Tình, Tây Thi Cổ Bản (Tương sinh âm dương ngũ hành: Hò Xự Xang Cống Líu Xê). Thủy là nước nên người xưa có quan niệm nước là yếu tố đầu tiên để mọi sinh vật sống và phú, lấy nghĩa là giàu có. Do đó 2 bản Lưu Thủy và Phú Lục thường được mở đầu nhằm mục đích chúc tụng nhau làm ăn phát tài, giàu có như nước chảy xuôi dòng. Đây cũng là một ý hay đẹp của người đi trước.

II . BẢY BÀI NHẠC LỄ (Điệu Hạ) :

Ông Ba Đợi không những dạy Nhạc Tài Tử mà còn bổ sung và chấn chỉnh bộ môn Nhạc lễ. Ông đã đem 7 bài Nhạc lễ còn gọi là 7 bài Cò hay 7 bài Dây nhạc, truyền dạy cho các môn đệ Nhạc Tài Tử. Bảy bài này có cùng hệ thống với điệu thức Bắc nhưng dùng chữ Xề, Ú làm âm chủ. Bảy bài Nhạc lễ có cấu trúc chữ đờn đối nghịch với hơi điệu Bắc và nhứt là phải lên Dây nhạc (dây Nhạc lễ) thì ta mới thấy Điệu Hạ khác với Điệu Bắc nhờ những chữ dây buông (âm thanh chuẩn) rơi đúng vào âm chủ Xề Ú.

Bảy bài Nhạc lễ dùng trong các buổi tế lễ, tính chất trang nghiêm, được Nhạc Tài Tử hóa với từng bản một ý nghĩa :

1. Xàng Xê : *Theo người xưa, Cung Xàng án theo thuyết âm dương ngũ hành là Thủy (nước) và Xê là Hỏa (lửa), do tương khắc tương sanh mà 2 cung Xàng và Xê đã hài hòa cấu tạo âm thanh, nâng cao nét sinh động phù hợp với lẽ sống cuộc đời.*

2. Ngũ Đối Thượng : *Năm điều ngũ thường Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín mà cổ nhân luôn quan tâm khi đề cập người trên đối với kẻ dưới.*

3. Ngũ Đối Hạ : *Năm điều ngũ thường Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín mà kẻ dưới đối với người trên.*

4. Long Đăng : *Đèn rồng (rồng tượng trưng vua).*

5. Long Ngâm : *Khúc ngâm về rồng tức vua.*

6. Vạn Giá : *Mười ngàn xe của vua .*

7. Tiểu Khúc : *Một khúc nhạc tóm tắt 6 bản nhạc đầu của 7 bài Nhạc Lễ. Trong số 7 bài nầy, Tiểu Khúc là bản ngắn nhứt.*

Digitized by www.namkyluctinh.org

III . ĐIỆU THỨC NAM :

Điệu thức Nam gồm có 3 bản Nam Xuân, Nam Ai và Nam Đảo (Đảo Ngũ Cung), cấu trúc bằng 5 âm chánh Hò, Xự, Xang, Xê, Cống, nhưng nhấn và rung ở những chữ Xừ Xang Xê Cống. Những lái đờn thường gói gọn trong một ngũ cung. Ba bản nhạc này có 3 âm sắc khác nhau, không bị ảnh hưởng hơi điệu nào trong Nhạc Tài Tử đã có.

1. Nam Xuân : *Tính chất ung dung, nhẹ nhàng, man mác vì chỉ nhấn và rung nhẹ ở chữ Xừ, Xang, Xê. Âm chủ của hơi Xuân là Xàng Xang. Nếu ta dùng khái niệm cứng (Bắc) mềm (Ai) thì hơi Xuân còn giữ một phần độ cứng của điệu Bắc.*

2. Nam Ai : *Nhấn và rung mạnh ở chữ Xự, Xang và qua Lớp Mái nhấn và rung mạnh chữ Cộng nên điệu nhạc nghe buồn thảm, tỉ tê, bi lụy, tuyệt vọng và nức nở vì có những nhịp đảo phách trong lòng câu.*

3. Nam Đảo (Đảo Ngũ Cung) : *Cấu tạo bởi 2 hơi Xuân và Bắc cùng hơi Dựng. Nam Đảo hình thành trên thang âm Hò, Xự, Xang, Xê, Cống nhưng không theo thứ tự mà thường trực tiếp đi từ cung trầm đến cung cao và xen lẫn với điệp khúc Xề Ú Liu Phan, nghe như có sự đảo cung từ hơi dây này sang hơi dây kia. Từ bản Nam Ai chuyển sang bản Đảo Ngũ Cung, dòng nhạc biến đổi tính chất khẩn trương, quyết liệt.*

Ba bản Nam kể trên do ông Ba Đợi lấy hơi điệu của các bản miền Trung và nhạc Lễ, viết mới lại theo phong cách Nhạc Tài Tử Nam Bộ. Xưa đờn điệu thức Nam, phải đờn liên hườn Nam Xuân, Nam Ai và Nam Đảo, gồm 239 câu. Song, vì có nhiều lớp trùng lặp nên hiện tại, giới chơi Nhạc Tài Tử, đờn từng bản và bỏ bớt những lớp trùng. Lớp Trống Xuân được các ông Sáu Thoàng, Chín Chiêu (Cần Đước) chuyển từ 2 lớp Trống Xuân qua hơi Ai, tiếp sau bản Nam Đảo và chuyển cung từ Hò Tư sang Hò Nhứt và gọi là 2 lớp Song Cước.

IV . ĐIỆU THỨC OÁN:

Điệu thức Oán, là điệu nhạc đặc thù được sáng tạo tại đất Nam Bộ. Ông Ba Đợi chuyển hơi, chuyển cung và phát triển bản Tứ Đại Cảnh của Nhạc miền Trung từ hơi Bắc dựng thành hơi Oán. Giai đoạn đầu, khoảng cuối thế kỷ 19, bài bản Nhạc Tài Tử có thêm một bản hơi Oán và đó là bản Tứ Đại Vắn cũng còn gọi là Tứ Đại Cảnh Nam Phần nhịp tư. Giai đoạn tiếp theo, những ngày đầu thế kỷ 20, bản Tứ Đại Vắn được phát triển từ nhịp tư sang nhịp 8, được phân câu phân lớp, nhịp nội, nhịp ngoại, gõ mô, đờn chầu thì hơi điệu Oán mới xứng danh là một điệu thức riêng biệt với hơi Ai của điệu Nam. Điệu Oán có cấu trúc các lái đờn thường đi từ 2 ngũ cung (2 octave) và một điểm đặc thù

Digitized by www.namkyluctinh.org

của điệu thức này là nhiều câu trong các lớp thường xuyên có mặt chữ Oan (chữ Phan nhấn và rung mạnh) nên nghe buồn nhưng kiểu buồn bi hùng.

*Điệu thức Oán gồm có 4 bản Oán chánh thống là : **Tứ Đại Oán**, **Phụng Hoàng Cầu** tức **Phụng Hoàng, Giang Nam Cửu Khúc** và **Phụng Cầu Hoàng Duyên** tức **Phụng Cầu**. Bốn bản Oán Phụ hay Ngoại Oán gồm có : **Bình Sa Lạc Nhạn**, **Thanh Dạ Đề Quyên**, **Nguơn Tiêu Hội Oán** và **Võ Văn Hội Oán** lần lượt ra đời sau đó và có cấu trúc đúng điệu thức Oán nhưng không tạo được sắc thái mới, thậm chí có bản còn trùng lặp nhiều câu của 4 bản Oán chánh thống.*

*Bản **Tứ Đại Cảnh** tương truyền là của vua Tự Đức sáng tác để ca ngợi 4 cảnh lớn của trời đất : Xuân, Hạ, Thu, Đông, nhưng cũng có người cho là vua Tự Đức có ngụ ý tôn vinh bốn cảnh đời thạnh trị thuộc đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức (chữ Đại là Đời).*

Tên Tứ Đại Oán cũng có nhiều thuyết :

1. Để đối lại sự tôn vinh 4 cảnh đời vua triều Nguyễn, giới Nhạc Tài Tử Nam Bộ đã mỉa mai chế độ phong kiến triều Nguyễn vì bất lực trước nạn ngoại xâm, phế lập tùy tiện liên tiếp 4 đời vua Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc, Hàm Nghi mà mảnh đất thân yêu của tổ quốc cũng bị rơi vào tay giặc Pháp. Đúng là 4 cái oán lớn hoặc 4 đời oán hận của 4 đời vua sau vua Tự Đức.

2. Sở dĩ bản Tứ Đại được mang tên Tứ Đại Oán là vì cấu trúc âm-thanh có ưu thế của số lượng chữ Oan (chữ Cộng nhấn mạnh, ở hơi Nam gọi là Phan, ở hơi Oán gọi là Oan).

3. Một số nhạc sĩ ảnh hưởng thuyết Phật Giáo, cho thể xác con người được cấu tạo bằng Tứ đại càn khôn (nước, lửa, gió, đất)…con người luôn bị đau khổ bởi chân lý về sự khổ trong Tứ Diệu Đế là Khổ Đế gồm Sanh, Lão, Bệnh,Tử.

Sự đúng hay sai của các thuyết trên cần phải được nghiên cứu tiếp. Đối với các nhạc sĩ Nhạc Tài Tử Nam Bộ, chữ Oán trong âm nhạc là để chỉ một điệu thức buồn sâu xa nhưng bi hùng chớ không bi lụy như hơi Ai trong điệu Nam. Hơi điệu Oán khi vừa xuất hiện, đã tạo được một thời vàng son không thua kém gì bản Vọng cổ ngày nay. Điệu Oán là một âm điệu chủ đạo của Đờn ca tài tử Nam Bộ qua nhiều thập niên liên tiếp. Các tập bài ca Tứ, Lục, Bát, Thập Tài Tử xuất bản từ năm 1909 đến 1915 tại Sài Gòn đã minh chứng điều này. Một điểm quan trọng khác nữa là vào năm 1915 bản Tứ Đại Oán Bùi Kiệm – Nguyệt Nga là bản Đờn ca tài tử đầu tiên, được ông TốngHữu Định tục danh ông Phó Mười Hai ở Vĩnh Long đưa lên bộ ván để ca ra bộ, mở màn cho Sân khấu cải lương ra đời sau đó.

Digitized by www.namkyluctinh.org

Sự cấu trúc của bản Tứ Đại Oán rất chặt chẽ về mặt văn học nghệ thuật. Theo quyển Nghệ Thuật Sân Khấu Việt Nam của học giả Trần Văn Khải, một nhà sưu tầm nghiên cứu rất uy tín, thì người sáng tác bản Tứ Đại có thể là một nhạc sư kiêm thi sĩ. Bản Tứ Đại là một bài thơ Bát Cú Đường Luật. Các Lớp 1, 2, Xang Dài 1, Xang Dài 2, Xang Vắn 1, Xang Vắn 2, Hồi Thủ, Xang Dứt, tương ứng với các câu Phá, Thừa, Cặp Trạng, Cặp Luận, Câu Chuyển, Câu Kết của bài thơ Đường.

V. THẬP THỦ LIÊN HUỜN :

Nhóm nhạc Miền Tây đã lấy 10 bản của Ca nhạc Huế gọi là 10 bản Khách, hay 10 bản Ngự, hay Liên Bộ Thập Chương để nguyên cấu trúc chữ đờn, du nhập vào hệ thống Nhạc Tài Tử Nam Bộ và đặt tên là Thập Thủ Liên Hườn để kỷ niệm tên của 4 ông thầy đờn là cụ Thập, cụ Thủ, Nguyễn Liêng Phong, Trần Quang Quờn. Bốn chữ Thập Thủ Liên Hườn là kết hợp chữ Thập (cụ Thập), Thủ (cụ Thủ), Liên (trong Nguyễn Liêng Phong bỏ chữ G) và Hườn (trong Trần Quang Quờn đổi chữ Q thành H).

Theo các bậc tiền bối chơi Đờn ca tài tử Nam bộ, Thập Thủ Liên Hườn ra đời trong giai đoạn :

Vào triều vua Quang Trung, những bản nhạc liên hườn này gắn liền với sứ bộ Nguyễn Huệ (1790) đến kinh đô Thanh triều nhân dịp triều thần cử hành lễ Vạn Thọ mừng Thanh đế Càn Long 80 tuổi. Ở Trung Quốc, sứ đoàn được hướng dẫn tham quan các di tích, thắng cảnh, và khi trở về nước làm 10 bài thơ liên hườn, ca tụng cảnh sắc tươi đẹp của nước này.

Qua nội dung 10 bài thơ liên hườn kể trên, vua Quang Trung truyền cho nhạc quan triều nội, soạn thành 10 bản nhạc để tấu cho vua nghe với nội dung:

1. Phẩm Tuyết : *Ca ngợi phẩm giá của tuyết với một dải trắng xinh và sự vui chơi của dân chúng trong trò chơi trượt tuyết.*

2. Nguyên Tiêu : *Ca ngợi lễ hội hoa đăng rằm tháng giêng bên Trung Quốc.*

3. Hồ Quãng : *Sứ đoàn được tham quan hồ rộng lớn và đẹp đẻ ở Trung Quốc.*

4. Liên Hườn : *Tả một điệu múa đẹp trong triều nội nhà Thanh mà các vũ công múa vòng, tay liền tay.*

5. Bình Nguyên : *Sứ đoàn được xem cảnh đẹp của đồng bằng bát ngát.*

Digitized by www.namkyluctinh.org

6. Tây Mai : *Nơi sứ đoàn ở, phía tây có cây mai nở hoa hoặc là một loại mai của các nước miền tây Trung Quốc (tây mai là mai Ấn Độ, Miến Điện ..., nam mai là mai Việt Nam...).*

7. Kim Tiền : *Sứ đoàn vào chầu vua và được ban thưởng tiền vàng.*

8. Xuân Phong : *Sứ đoàn được vua Càn Long ban thưởng mát lòng hớn hở, chẳng khác đón được gió mùa xuân.*

9. Long Hổ : *Vua và tôi gặp nhau vui vẻ như Rồng Cọp gặp nhau.*

10. Tẩu Mã : *Sau cùng, sứ đoàn được vua Thanh tiển đưa và lên ngựa chạy nhanh về nước.*

Nội dung từng bản nhạc trong bộ Thập Thủ Liên Hườn, qua giai thoại với tình tiết đậm đà phong phú, giàu chất văn học, được giới chơi Nhạc miền Trung cũng như với chơi Đờn ca tài tử Nam Bộ rất tâm đắt.

VI . TÁM BẢN NGỰ :

Tám bản Ngự do nhóm Nhạc miền Đông Nam Bộ mà trưởng nhóm là ông Nguyễn Quang Đại tức Ba Đợi, lần đầu tiên đem ra giới thiệu với khách mộ điệu nhân dịp vua Thành Thái vào Sài Gòn (1898 - 1899). Hơi Bắc ngự gồm các bản Đường Thái Tôn, Vọng Phu, Chiêu Quân, Ái Tử Kê, Bát Man Tấn Cống); Hơi Ai Ngự gồm 2 bản Tương Tư và Duyên Kỳ Ngộ; Hơi Oán Ngự bản Quả Phụ Hàm Oan.

Qua tên Ngự, tác giả muốn đề cập đến vua. Miền Nam là thuộc địa của Pháp lúc bấy giờ. Nhân dân Nam bộ từ lâu nghe nói vua nhưng chưa được chiêm ngưỡng long nhan. Nhạy cảm trước thời cuộc và để nói lên tình cảm của người miền Nam đối với vua mình, cụ Ba Đợi dùng âm nhạc thay ngôn ngữ để thể hiện lòng mong đợi, sự trung thành, yêu nước mến vua mà nội dung chứa đựng trong từng bản :

1. Đường Thái Tôn : *Ám chỉ vua Thành Thái là vị vua anh minh như vua Đường Thái Tôn bên Trung Quốc.*

2. Vọng Phu : *Nhân dân Nam Bộ tưởng nhớ vua như vợ nhớ chồng.*

3. Chiêu Quân : *Lòng người miền Nam trung quân, tiết liệt như nàng Chiêu Quân hy sinh cho đất nước, đem thân cống Hồ, khi chết thi thể cũng quay về tổ quốc.*

4. Ái Tử Kê : *Đất Nam Bộ bị giặc Pháp chiếm, nhân dân Nam Bộ như đàn gà con mất mẹ. Hãy thương bầy gà con.*

Digitized by www.namkyluctinh.org

5. Bát Man Tấn Cống: *Nhớ thuở huy hoàng, Việt Nam là một cường quốc, các nước nhỏ phải hàng năm triều cống.*

6. Tương Tư : *Nhân dân Nam Bộ lúc nào cũng tưởng nhớ đến vua mình.*

7. Duyên Kỳ Ngộ : *Đất Nam Bộ đã giao cho Pháp, bất ngờ lại được gặp vua mình. Đây quả là duyên kỳ ngộ.*

8. Quả Phụ Hàm Oan : *Vua tưởng rằng tất cả người dân Nam Bộ đều ham mê bơ sữa, hùa theo tân trào, nhưng cũng còn có nhiều người muốn đánh đuổi giặc Pháp xâm lăng. Nhân dân Nam Bộ giống như người quả phụ bị hàm oan.*

Tám bản Ngự là những bản nhạc nói lên lòng mình với nhà vua nên âm hưởng ít nhiều phảng phất chất điệu nhạc cung đình Huế.

VII . NGŨ CHÂU *:*

Là 5 hạt châu do nhóm Nhạc Tài Tử Miền Đông (Ba Đợi) khai sanh khoảng cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Ngũ Châu gồm :

1. Kim Tiền Bản : *Tiền vàng làm căn bản để vua ban thưởng người có công.*

2. Ngự Giá : *Vua lên xe.*

3. Hồ Lan : *Lan nước Hồ.*

4. Vạn Liên : *10.000 bông sen.*

5. Song Phi Hồ Điệp : *Hai con bướm cùng bay (trong quá trình phát triển bản Song Phi Hồ Điệp, thầy đờn Ba Đồng (Cần Giuộc) chuyển hơi từ Bắc qua Ai Oán ở lớp chót và chuyển cung bậc, tạo nét truyền cảm sâu sắc).*

VIII . TỨ BỬU :

Tứ Bửu do nhạc sanh Hai Khị thuộc nhóm Nhạc Tài Tử Bạc Liêu sáng tác khoảng đầu thế kỷ 20 để đáp lại bộ Ngũ Châu của nhóm nhạc Miền Đông. Tứ Bửu là 4 báu vật. Bốn bản nhạc đều mang hơi Bắc gồm :

1. Minh Hoàng Thưởng Nguyệt : *Vua Đường Minh Hoàng xem trăng.*

2. Ngự Giá Đăng Lâu : *Xe thiên tử lên lầu. Bản Ngự Giá Đăng Lâu, làn điệu phảng phất hơi nhạc Triều Châu. Đây cũng là nét độc đáo của*

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhóm Tài Tử Bạc Liêu, mở màn cho loại bài bản Cổ nhạc canh tân trên Sân khấu cải lương sau này.

3. Phò Mã Giao Duyên : *Theo xưa, sau khi đổ trạng nguyên, vị quan này được nhà vua gã công chúa và làm phò mã. Bản này sao chép lại bản Hành Vân nhưng đổi câu và đổi thành nhịp tư.*

4. Ái Tử Kê : *Cùng một ý nghĩa như bản Ái Tử Kê trong Bát Ngự và cùng số câu nhưng chữ đờn viết khác, ít gõ mô.*

Ngoài ra, có một số bài bản cấu trúc lẫn lộn hơi Ai và hơi Oán.

*Bản **Trường Tương Tư** thường gọi là Nam Cung Bình xuất xứ từ bản Nam Bình của Nhạc Miền Trung, được cải biên theo cấu trúc của Nhạc Tài Tử Nam Bộ.*

*Tương truyền bản **Văn Thiên Tường** ra đời trước bản Tứ Đại Oán và do ông Trần Quang Thọ, một nhạc công của triều đình, vô cư ngụ tại đất Mỹ Tho, sáng tác vào những thập niên cuối thế kỷ 19. Ông cảm thấy hoàn cảnh nhà yêu nước Thủ Khoa Huân nổi lên chống giặc Pháp xâm lăng (trào vua Tự Đức), giống với hoàn cảnh của ông Văn Thiên Tường, vị quan trào Nam Tống (Trung Quốc) chống giặc Nguyên xâm lăng. Cả hai cuộc kháng chiến đều bị thất bại. Hai ông đều bị giặc bắt, bị tù đày và đến khi bị xử tử, vẫn hiên ngang khí tiết. Ông Trần Quang Thọ mới mượn cái tên của ông Văn Thiên Tường để đặt bài, ca ngợi vị anh hùng dân tộc Thủ Khoa Huân của nước ta. Bản Văn Thiên Tường nơi Lớp Đầu và Lớp Xế Xảng có hơi Ai và ở những Lớp Dựng có hơi Oán với tính chất nhạc bi hùng ở những câu xuống Xàng.*

*Bản **Võ Tắc Biệt** ra đời sau bản Văn Thiên Tường, nhưng theo cố nhạc sư Hồng Tấn Phát (Trà Vinh), do hưởng ứng phong trào Duy Tân của những nhà cách mạng Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, bản Văn Thiên Tường và bản Võ Tắc Biệt được tác giả đặt tên, căn cứ vào những chữ trong câu "Văn Thông Thiên Tường Địa Lý, Võ Lực Tắc Thời Biệt Dạng" (văn chương và khoa học mà trao dồi hiểu biết tường tận thì võ lực không cần sử dụng đến cũng giải phóng được dân tộc).*

*Hai bản **Hội Nguơn Tiêu** (hơi Bắc) và **Bát Bản Chấn** (hơi Bắc có chuyển hơi Hạ và hơi Ai ở một vài lớp) từ lâu đã gắn liền cái tên **Cửu Nhĩ** trong hệ thống bài bản Nhạc Tài Tử Nam Bộ.*

*Có những bản được lắp ghép bởi nhiều hơi điệu được giới đờn ca hoan nghinh vì không nhàm chán. Ở thể loại này, nhóm Tài Tử Bạc Liêu đã nổi tiếng với những bài bản lắp ghép hơi điệu của những bài bản có sẵn, tạo ra những bản nhạc có giá trị như **Liêu Giang**, **Ngũ Quan**, **Hoài Lang**. Bản Hoài Lang (Dạ Cổ Hoài Lang) do cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu sáng tác vào khoảng năm 1919, 1920 (có thể những năm nầy là năm phổ biến), thực chất là một bản được*

Digitized by www.namkyluctinh.org

lắp ghép một phần của bản Hành Vân và bản Tứ Đại Cảnh. Bản này đã không ngừng được giới đờn ca phát triển từ nhịp đôi sang nhịp tư, nhịp 8, nhịp 16, nhịp 32, nhịp 64 và trở thành bản Vọng Cổ được mệnh danh là bản nhạc vua của Sân khấu cải lương Nam bộ.

*Bản **Tứ Bửu Liêu Thành** do nhạc sĩ Ba Chột (Bạc Liêu) sáng-tác gồm các hơi Bắc, Xuân, Ai, Oán, Ngự đã gợi hứng cho ông Nguyễn Văn Thinh (Tp Hồ Chí Minh) sáng tác bài **Ngũ Châu Minh Phổ** với sự chuyển cung và chuyển điệu từ các dây Hò I, Hò II, Hò III, Hò IV và trở lại Hò I trong 5 lớp để đối đáp lại. Tứ Bửu Liêu Thành có nghĩa là 4 báu vật của Thành phố Bạc Liêu và Ngũ Châu Minh Phổ có nghĩa là 5 hạt châu công khai phổ biến hoặc do Thành phố Hồ Chí Minh phổ biến.*

*Cùng thể loại này còn có các bản **Nam Âm Ngũ Khúc**, **Ngũ Cung Luân Hoán**, **Khúc Hận Nam Quan**, **Ngũ Khúc Long Phi**, đã được giới Nhạc Tài Tử hoan nghinh.*

*Năm 1943, nhạc sĩ Chín Tâm đã sưu tầm tại Mỏ Cày (Bến-Tre) 5 bản gọi là bộ Tam Bắc Nhị Oán gồm **Hội Huê Đăng**, **Lục Luật Tiêu Hà**, **Bắc Ngự** (3 bản này theo hơi Bắc), **Quả Phụ Hàm Oan** và **Xuân Tình Bát Oán** (2 bản này theo hơi Oán). Qua cái tên của bài bản cho thấy tác giả là một người yêu nước, đã hưởng ứng sự sáng tác 8 bản ngự của nhóm Nhạc Miền Đông.*

Tóm lại, có nhiều sáng tác mới sau này nhưng cũng chưa thấy có bài bản nào vượt qua hơi điệu Bắc, Hạ, Nam, Oán, Ngự mà còn giữ được sự chánh thống của 2 Dòng âm nhạc Bình dân và Bác học Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 09 năm 1996.

Nguyễn-Tấn-Nhì

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Phần Chánh Biên

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

I – CÁC BẢN LÝ

1.- LÝ VỌNG PHU

(35 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

Lớp I :	1 - Tồn	(XANG)	Xang Xang	(XỀ)
	2 - Xê	(HÒ)	Hò Xạng Xạng	(HÒ)
	3 - Tồn	(XANG)	Xang Xang	(XỀ)
	4 - Líu	(XANG)	Tồn Xang	(- -) Xế
	5 - Líu	(XANG)	Tồn Xang	(- -) Xế
	6 - Xang	(XỀ)	Tang Xề Phan	(LIU)
	7 - Xứ La	(XỀ)	Xứ Phạn Tang	(LIU)
	8 - Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Cống	(XÊ) Xê
	9 - Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Cống	(XÊ) Xê
	10 - Là	(HÒ)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)
	11 - Xàng	(XỀ)	Phan Xề Phạn	(LIU)
	12 - Tang Tang	(XỀ)	Xứ Phạn Tang	(LIU)
	13 - Liu Cộng	(XÀNG)	Xế Xáng Xế	(LIU)
Lớp II :	14 - Tồn Là	(XANG)	Xê Cống Xê	(HÒ)
	15 - Tồn Là	(XANG)	Xê Cống Xê	(HÒ)
	16 - Cống Xê	(HÒ)	Cống Xê Xự	(XANG)
	17 - Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Cống	(XÊ)
	18 - Là	(HÒ)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)
	19 - Xang	(XÊ)	Líu Cống Xê	(- -) Hò
	20 - Xang	(XÊ)	Líu Cống Xê	(- -) Hò
	21 - Xang Xê	(CỐNG)	Tồn Xang Xê	(- -) Cống
	22 - Líu	(XANG)	Tồn Xang	(- -) Xể
	23 - Líu	(XANG)	Tồn Xang	(- -) Xể
	24 - Liu Cộng	(XÀNG)	Xế Xáng Xế	(LIU)
Lớp III :	25 - Tồn Là	(XANG)	Xê Cống Xê	(HÒ)
	26 - Tồn Là	(XANG)	Xê Cống Xê	(HÒ)
	27 - Cống Xê	(HÒ)	Cống Xê Xự	(XANG)
	28 - Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Cống	(XÊ)
	29 - Là	(HÒ)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)
	30 - Xang	(XÊ)	Líu Cống Xê	(- -) Hò
	31 - Xang	(XÊ)	Líu Cống Xê	(- -) Hò
	32 - Xang Xê	(CỐNG)	Tồn Xang Xê	(- -) Cống
	33 - Líu	(XANG)	Tồn Xang	(- -) Xể
	34 - Líu	(XANG)	Tồn Xang	(- -) Xể
	35 - Liu Cộng	(XÀNG)	Xế Xáng	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

I – CÁC BẢN LÝ

1.- LÝ VỌNG PHU
Vọng phu

Soạn lời : Nhị Tấn

Lớp I :

1 - (Bao) thu mưa (nắng)
2 - Trăng (tròn) trăng khuyết (tà)
3 - Chàng (đi) bao năm xa (vắng)
4 - Thiếp lạnh (lùng) cô phòng (- -) trông
5 - Ánh (đèn) chập chờn (- -) như
6 - Chàng (về) đang ở ngoài (hiên)
7 - Vui tao (phùng) nối lại tơ (duyên)
8 - Đêm (đêm) lệ đổ dầm (khăn)
9 - Bên (tai) vẵng tiếng thề (trăng)
10 - Nhớ những (gì) đôi ta hẹn (ước)
11 - Sống bạc (đầu) nguyện có trời (cao)
12 - Dẫu trăm (chiều) cay đắng gian (lao)
13 - Đôi lứa (mình) quyết chẳng xa (nhau)

Lớp II :

14 - Bàng hoàng (trong) giấc mộng (hồn)
15 - Vì giang (sơn) cái chí anh (hùng)
16 - Tim ấm (nồng) dẫu cách ngàn (năm)
17 - Chàng (đi) sa đường bướm (ong)
18 - Thiếp (liều) như duyên (số)
19 - Bến (nước) trong (- -) nhờ
20 - Khúc (sông) nhơ (- -) đành
21 - Nệm (chích) phòng (- -) không
22 - Hơn (là) trùng phùng (- -) vui
23 - Với (người) lỗi thề (- -) ôi
24 - Đáng (gì) đêm ngóng ngày (trông)

Lớp III :

25 - Buồn (thương) chia cách nảo (lòng)
26 - Hoài (nghi) dạ luống thẹn (thùng)
27 - Thiếp biết (chàng) son sắt hằng (ghi)
28 - Chàng (đi) hoa nở biên (cương)
29 - Giao (thừa) giòn tan tiếng (pháo)
30 - Xa (nhau) bao (- -) ngày
31 - Chờ (bao) năm (- -) dài
32 - Dẫu (vắng) âm (- -) tin
33 - Thiếp (nguyền) bạc đầu (- -) vui
34 - Sống (cùng) xóm làng (- -) trong
35 - Thanh (bình) trên khắp quê (hương)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2.- LÝ GIAO DUYÊN

(10 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	Tồn	(LÍU)	Líu Líu Cống	(- -) Xê
2 -	Xang	(HÒ)	Là Xang Xê	(- -) Cống
3 -	Xang	(XÊ)	Líu Cống Xê	(- -) Hò
4 -	Xang	(XÊ)	Líu Cống Xê	(- -) Hò
5 -	Líu	(XANG)	Tồn Xang Xê	(- -) Cống
6 -	Líu	(XANG)	Tồn Xang Xê	(- -) Cống
7 -	Líu	(XANG)	Tồn Xang Xê	(- -) Cống
8 -	Xang	(XÊ)	Líu Cống Xê	(HÒ)
9 -	Liu Liu	(XỀ)	Liu Xế Xáng	(LIU)
10 -	Liu Liu	(XỀ)	Liu Xế Xáng	(LIU)

3.- LÝ NGỰA Ô BẮC

(19 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	Cống Xê	(XANG)	Líu Xự Xang	(XÊ)
2 -		(- -)		(- -)
3 -	Cống Xê	(XANG)	Líu Xự Xang	(XÊ)
4 -	Xự Xang	(XÊ)	Xang Xê Cống	(LÍU)
5 -	Ú Líu	(CỐNG)	Líu Xự Xang	(XÊ)
6 -	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
7 -	Cống	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
8 -	Xê Xang	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
9 -	Cống	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
10 -	Xang	(XÊ)	Cống Xang Xê	(CỐNG)
11 -	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xự Xang	(HÒ)
12 -		(- -)	Tồn	(Ú)
13 -	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
14 -	Xề Ú	(- -)	Liu Xề	(- -)
15 -	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Ú Xáng	(LIU)
16 -		(- -)	Tồn	(Ú)
17 -	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
18 -	Xề Ú	(- -)	Liu Xề	(- -)
19 -	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Ú Xáng	(LIU)

4.- LÝ NGỰA Ô NAM

(13 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2.- LÝ GIAO DUYÊN
Trông chồng

1 - Tích (thẳm) ở phương (- -) nao
2 - Anh (nào) có thấu (- -) rõ
3 - Đoài (đoạn) khúc tơ (- -) tằm
4 - Cam (chịu) nỗi âm (- -) thầm
5 - Tầm (bạn) tri (-) âm
6 - Xa (mờ) chàng vắng (- -) tăm
7 - Xa (mờ) chàng vắng (- -) tăm
8 - Để (khổ) cho phận liễu (bồ)
9 - Ôm (sầu) càng xốn (xang)
10 - Nỗi chia (lìa) vẫn (mang)

3.- LÝ NGỰA Ô BẮC
Bùi Kiệm trêu Nguyệt Nga

1 - Náo nương (đây) trong những ngày khổ (đau)
2 - (- -) (- -)
3 - Mối tơ (duyên) hãy nối lại với (nhau)
4 - Cả (- -) tâm lẫn (não)
5 - Bởi tôi (- -) quá yêu (cô)
6 - Cùng se (nghĩa) trăm năm (- -)
7 - Mong (- -) cô ưng (thuận)
8 - Chớ (- -) nghĩ cùng (suy)
9 - Tôi (- -) đây ước (nguyện)
10 - Để (- -) cô một (kiếp)
11 - Yên vui (- -) phỉ dạ ân (tình)
12 - (- -) Để (em)
13 - Vơi (- -) nỗi đau (lòng)
14 - Cho vui (- -) cùng chồng (- -)
15 - Thì mối tơ (hồng) kết chặt bền (lâu)
16 - (- -) Còn phần (em)
17 - Phải (- -) cúng chay bảy (ngày)
18 - Như thế (ở) tuyền đài (- -)
19 - Được hài (lòng) tái giá cùng (anh)

4.- LÝ NGỰA Ô NAM
Nguyễn Trãi tiễn cha

Digitized by www.namkyluctinh.org

1 -	Ú Liu	(PHAN)	Liu Xề Phan	(LIU)
2 -	Phan	(LIU)	Phan Liu Ú	(XÁNG)
3 -	Xáng Xáng	(XÁNG)	Xáng Ú Xáng	(LIU)
4 -	Ú	(LỈU)	Ú Liu	(- -)
5 -	Ú	(LIU)	Liu Phan	(XỆ)
6 -	Xế Xế	(XANG)	Xang Xự Xang	(HÒ)
7 -	Tồn Là	(TỊCH)	Là Hò	(- -)
8 -	Là Hò	(XÊ)	Líu Cống Xê	(XANG)
9 -	Tồn	(TÀNG)	Tồn Xang	(- -)
10 -	Xế Xê	(XANG)	Xang Xê Tồn	(HÒ)
11 -	Ho Tồn	(TÀNG)	Tồn Ho	(- -)
12 -	Xáng Xáng	(XÀNG)	Liu Liu	(XỆ)
13 -	Liu Liu	(XỆ)	Xề Liu	(- -)

5.- LÝ NGỰA Ô NAM

(7 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xế Xang Xư	(XỀ)	Liu Xề Phan	(LIU)
2 -		(LIU)	Tồn	(XÊ)
	Xế Xang Xư	(XỀ)	Liu Xề Phan	(LIU)
3 -	Liu Liu	(XỀ)	Phan Liu	(- -)
	Cống Líu	(XÊ)	Tồn Xê Xang	(LỊU)
4 -	Xư Xư Xang	(XÊ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)
	Liu Liu	(XỀ)	Phan Liu	(- -)
5 -	Xê Xang Xư	(HÒ)	Tồn Hò Xư	(XANG)
	Xế Xang	(HÒ)	Tồn Xang	(- -)
6 -	Xang Xể	(XÊ)	Tồn Xảng Xang	(HÒ)
	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
7 -	Xáng	(XÀNG)	Liu Phan	(XỆ)
	Liu Liu	(XỆ)	Xề Liu	(- -)

6.- LÝ CON SÁO

(10 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -		(XẾ)	Xế Xáng	(U)
2 -	Ủ U Liu	(PHAN)	Liu Xề Phan	(LIU)
3 -	Phan	(LIU)	Xáng Ú Liu Phan	(LIU)
4 -	Liu	(XỀ)	Là Xề Phan	(LIU)
5 -	Lỉu	(- -)	Líu Liu	(XỀ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

1 - Nguyễn Phi (Khanh) khi người thất (cơ)
2 - Theo quân (Tàu) sang nơi đất (khách)
3 - Nguyễn (Trãi) đón cha khóc (than)
4 - Ông thấy (thế) khuyên can (- -)
5 - Vì toàn (dân) còn đang trông (đợi)
6 - Nợ núi (sông) mang nặng trong (lòng)
7 - Con nên trở (lại) quê mình (- -)
8 - Cùng toàn (dân) cứu lấy quê (hương)
9 - Lời cha (vừa) cạn phân (- -)
10 - Hãy lui (chơn) chớ khá cải (lời)
11 - Ta sẽ (liều) một đời (- -)
12 - Con nhớ (rằng) trong cơn quốc (nạn)
13 - Đừng làm lỡ (vận) tài trai (- -)

5.- LÝ NGỰA Ô NAM
Nguyễn Trãi Tiễn Cha

1 - (- -) Nguyễn Trãi nghe (qua)
Những (lời) phân giải khuyên (can)
2 - Tung (gươm) bao năm uốn (nắn)
Tâm can cháy (nồng) huyết lệ trào (sôi)
3 - Hứa lãnh (ý) phụ thân (- -)
Lúc biệt (ly) tay lau ngấn (lệ)
4 - Đem quyết (tâm) trả nợ sơn (hà)
Nhưng con (ngại) cha già (- -)
5 - Đường ngàn (trùng) nắng táp mưa (sa)
Ai hầu (hạ) giùm ta (- -)
6 - Nguyễn Phi (Khanh) đến cửa Nam (Quan)
Còn day (lại) nhìn con (- -)
7 - Nguyễn đau (buồn) lòng mang mối (hận)
Thề tận diệt (kẻ) xâm lăng (- -)

6.- LÝ CON SÁO
Ngắm cảnh khơi nguồn

Soạn lời : Phi Anh

1 - (Tiếng) líu (lo)
2 - Chim (oanh) trên cành hót (vang)
3 - (- -) (- -)
4 - Như (chào) đón xuân (sang)
5 - Nao nao (- -) trong tấc (dạ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

6 -	Xề Liu	(- -)	Liu Xề	(- -)
7 -	Là Là	(HÒ)	Là Xang Xê	(CỐNG)
8 -	Xê Líu	(CỐNG)	Xê Xang Xự	(XANG)
9 -	Là Là	(HÒ)	Là Xang Xê	(CỐNG)
10 -	Xê Líu	(CỐNG)	Xê xang Xự	(XANG)

7.- LÝ CON SÁO

(5 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(XANG)	Xang Xang	(XƯ)
	Xang Xể	(XÊ)	Liu Xề Phan	(LIU)
2 -	Xề Phan	(LIU)	Xứ U Liu Phan	(LIU)
	Xảng Xang Xư	(XỀ)	Liu Xề Phan	(LIU)
3 -	Xề Phan	(LIU)	Lỉu Liu Liu	(XỆ)
	Xề Liu	(- -)	Liu Xệ	(- -)
4 -	Là Là	(HÒ)	Là Xang Xê	(CỐNG)
	Xê Líu	(CỐNG)	Xê Xang Xư	(XANG)
5 -	Là Là	(HÒ)	Là Xang Xê	(CỐNG)
	Xê Líu	(CỐNG)	Xê Xang Xư	(XANG)

8.- LÝ PHƯỚC KIẾN

(26 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -		(XÊ)	Cống	(HÒ)
2 -	Xê Cống	(HÒ)	Là Hò	(XANG)
3 -	Hò	(XÊ)	Cống Xự Xang	(XÊ)
4 -	Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò Là	(XỰ)
5 -	Liu	(CỘNG)	Liu Xề Cộng	(LIU)
6 -	Cộng	(LIU)	Liu Liu Xáng	(U)
7 -	Xáng U Liu	(CỘNG)	Liu U Cộng	(LIU)
8 -		(- -)	Ú	(LIU)
9 -	Ú Xàng Xê	(CỐNG)	Xang Xê Cống	(XANG)
10 -	Ú	(LIU)	Ú Xang Xề	(CỐNG)
11 -	Xang	(XỪ)	Xang Xê Cống	(XANG)
12 -	Xự	(HÒ)	Là Xự Xế	(XANG)
13 -	Xê	(CỐNG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
14 -	Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò Xự	(XANG)
15 -	Tồn	(XANG)	Xê Cống Xê	(XANG)
16 -	Xê	(XANG)	Xê	(XANG)
17 -	Xê Cống Liu	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

6 - Khách chi (trong) giấc mộng (--)
7 - Ngày (ngày) càng nhìn hoa (lá)
8 - Lo nỗi (lo) cho thân ngày (mai)
9 - Lòng (nầy) còn đang trong (trắng)
10 - Chi xiết (bao) nỗi vui ngày (xuân)

7.- LÝ CON SÁO
Ngắm cảnh khơi nguồn

Soạn lời : Phi Anh

1 - (Vui) lắm (thay)
Cảnh (vật) gợi lòng mơn (mang)
2 - Mai (cúc) lan thắm (xinh)
Ngạt (ngào) hương (thơm)
3 - Nỗi (- -) vơi trong (lòng)
Có khác (chi) non bồng (- -)
4 - Cảnh (trời) hòa mây (nước)
Khắp đó (đây) reo vui trời (động)
5 - Càng (nhìn) càng thêm say (đắm)
Thêm tiếng (tơ) xa xa hòa (ca)

8.- LÝ PHƯỚC KIẾN
Từ Thị Quốc Thái

1 - (Xin) bẫm (rành)
2 - Trên mẫu (hoàng) người được rõ (thông)
3 - Vì (theo) thể lệ Đơn (Dương)
4 - Mỗi năm hội (hiệp) luận bàn câu (chuyện)
5 - Cơ (mật) về thuế (sưu)
6 - Lòng (lo) tôi bói quẻ (xem)
7 - Thấy (quẻ) cho biết điềm (xui)
8 - (- -) Sao chẳng can (gián)
9 - Để chồng mang (khổ) nay phỏng ích (chi)
10 - Đem (lời) cạn (tỏ)
11 - (Chàng) chê thiếp vơ (quàng)
12 - Lại (cười) là kẻ dị (đoan)
13 - Con (cố) năn nỉ cản (ngăn)
14 - Chớ nên họp (bạn) sợ điều chẳng (may)
15 - Rầy (la) nên phải im (hơi)
16 - Lên (yên) ra (đi)
17 - Nghe nói tức (thay) tánh em ngang (ngược)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18 -	Xang Hò Xự	(XANG)	Tồn	(XANG)
19 -	Xê Cống Xê	(XANG)	Xự	(HÒ)
20 -	Là Xự Xế	(XANG)	Xê	(CỐNG)
21 -	Xê Cống Liu	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
22 -	Xang Hò Xự	(XANG)	Xừ	(XANG)
23 -	Xê Cống Xê	(XANG)	Xê	(XANG)
24 -	Xê	(XANG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
25 -	Cống Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò Xự	(XANG)
26 -	Tồn	(XANG)	Xê Cống Xê	(XANG)

II – CÁC BẢN GỐC MIỀN TRUNG

1.- LƯU THỦY ĐOẢN

(16 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
2 -	Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
3 -	Xê	(XANG)	Xang Xự Xế	(XANG)
4 -	Xê Xang	(XỰ)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)
5 -	Cống Tồn	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
6 -	Xê Xang	(XÊ)	Cộng Xề Cộng	(LIU)
7 -	Liu Tồn	(LIU)	Ú Cộng Liu	(Ú)
8 -	Ú Tồn	(Ú)	Ú Xáng Ú	(LIU)
9 -	Ú Liu	(CỘNG)	Ú Liu Cộng	(XỀ)
10 -	Xề Tồn	(XỀ)	Cộng Xề Cộng	(LIU)
11 -	Ú Liu	(CỘNG)	Ú Liu Cộng	(XỀ)
12 -	Tồn	(LIU)	Ú Liu Cộng	(XỀ)
13 -	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
14 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
15 -	Xê Xang	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
16 -	Xê Xang	(XÊ)	Xang Xê Cống	(HÒ)

2.- BÌNH BÁN VẮN

(22 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -		(LIU)	Tồn Liu Xáng	(Ú)
2 -	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Ú Xáng	(LIU)
3 -	Tồn Liu	(Ú)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
4 -	Liu Xề Cộng	(LIU)	Tồn Liu Ú	(LIU)
5 -	Ú Ú	(LIU)	Tồn Liu Ú	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18 - Vô tình lụy (thân) loài (gian)
19 - Còn xúi quân (gia) đến (liền)
20 - Tại tiệc Tuấn (Anh) nghe (ngóng)
21 - Cho rõ thủy (chung) kẻo tâm lo (sợ)
22 - Việc chồng chẳng (may) rõ (tin)
23 - Người phải lâm (nguy) kế (sâu)
24 - Quân (gian) sanh biến phản (tâm)
25 - Giết oan can (liệt) tường trình việc (quan)
26 - Lời (phân) không sót mảy (may)

II – CÁC BẢN GỐC MIỀN TRUNG

1.- LƯU THỦY ĐOẢN
Kim, Kiều hoa viên ngộ

1 - Vương Thúy (Kiều) là người tài (hoa)
2 - Vốn con (nhà) vọng tộc danh (gia)
3 - Đã lảu (thông) thi hoạ cầm (ca)
4 - Nhưng sắc (tài) trời đà ganh (ghét)
5 - Lòng tuy (chẳng) bận tình (tơ)
6 - Cùng Thúy (Vân) và Vương (Quan)
7 - Khi tiết (trời) thanh (minh)
8 - Hạnh (ngộ) cùng Kim (Sanh)
9 - (E) lệ thẹn (thùng)
10 - (Vì) là trâm (anh)
11 - Nên (ngại) không trao (lời)
12 - Duyên (nợ) do nơi (trời)
13 - Khiến (cho) câu luyến (lưu)
14 - Kiều (về) gia (trung)
15 - Còn (có) chàng Kim (Sanh)
16 - Ước (mơ) trong (lòng)

2.-BÌNH BÁN VẮN
Kim, Kiều hoa viên ngộ (tiếp theo)

1 - Xin trọ (nơi) ngoài hiên (tây)
2 - Ý mong (chờ) dịp nào (may)
3 - Gió đưa (duyên) được tao (phùng)
4 - Cùng Thúy (nương) kẻo nặng sầu (vương)
5 - Rất (may) nhìn lên nhánh (cây)

Digitized by www.namkyluctinh.org

6 -	Xáng Xáng	(U)	Liu Xề Liu	(CỘNG)
7 -	Cộng Tồn	(CỘNG)	Xê Xang Xê	(CỘNG)
8 -	Liu Ú	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
9 -	Ú Tồn	(Ú)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
10 -	Tồn Cộng Liu	(Ú)	Xáng U Liu	(Ú)
11 -	U U	(LIU)	Tồn Liu Ú	(LIU)
12 -	Xự Xang	(CỐNG)	Xê Xang Cống	(XÊ)
13 -	Liu Tồn	(LIU)	Ú Liu Cộng	(XỀ)
14 -	Cống Xạng	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
15 -	Xang	(XỰ)	Xang Xự Líu	(CỘNG)
16 -	Liu Xề Cộng	(LIU)	Tồn Liu Ú	(LIU)
17 -	Xự	(XANG)	Xang Xự	(XANG)
18 -	Xê Cống	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
19 -	Xự Xang	(XÊ)	Tồn Cống Líu	(XÊ)
20 -	Líu	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XÀNG)
21 -	Cống Xạng	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
22 -	Xang Hò Xự	(XANG)	Tồn Cống Xê	(XANG)

3.- KIM TIỀN HUẾ

(13 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

Vĩ :	9 -	Tồn Cống Xê (XANG)	Xê	(XANG)
	10 -	Xê Cống Líu (XÊ)	Xê	(XANG)
	11 -	Xê Cống Líu (XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	12 -	Xang Hò Xang (XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
	13 -	Cống Xê Xang (XỰ)	Xang Hò Xang	(XỰ)
Vô bài :	1 -	Ú Xáng (LIU)	Ú Liu Xề Cộng	(LIU)
	2 -	Ú Xáng (Ú)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
	3 -	Cống Líu (CỐNG)	Líu Xự Xang	(XÊ)
	4 -	Cống Xạng Cống (XÊ)	Liu Liu	(XỀ)
	5 -	Tồn Liu (CỘNG)	Liu Liu	(XỀ)
	6 -	Tồn Cộng Liu (CỘNG)	Líu Xự Xang	(XÊ)
	7 -	Cống Xạng Cống (XÊ)	Hò	(XÊ)
	8 -	Cống Xê Xang (XỰ)	Xang Hò Xự	(XANG)
	9 -	Tồn Cống Xê (XANG)	Xê	(XANG)
	10 -	Xê Cống Líu (XÊ)	Xê	(XANG)
	11 -	Xê Cống Líu (XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	12 -	Xang Hò Xang (XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
	13 -	Cống Xê Xang (XỰ)	Xang Hò Xang	(XỰ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

6 - Thấy trâm (đây) ai mà rơi (lại)
7 - Nếu (chẳng) duyên trời dong (rủi)
8 - Thì sao (mà) nhặt được (trâm)
9 - Còn (đương) ngơ ngẩn (tình)
10 - Thì Kiều (nương) đã đến (nơi)
11 - Sanh trả (trâm) gọi nghĩa (ân)
12 - Kiều chi (xiết) cảm động (tâm)
13 - Liếc (nhanh) cuối tạ (từ)
14 - Trông (theo) giai nhân khuất (dạng)
15 - Sanh (về) hiên Lãm (Thúy)
16 - Lòng bâng (khuâng) thật khó (khuây)
17 - Bên (triện) tàn lụn (canh)
18 - Chong (đèn) dầu (hao)
19 - Kiều (nương) nhẹ gót (sen)
20 - Bổng (đâu) xuất hiện bên (ngoài)
21 - Tỉnh (mơ) ngờ trong (mộng)
22 - Lòng Kim (Sanh) hồi hộp lo (âu)

3.- KIM TIỀN HUẾ

Kim, Kiều hoa viên ngộ (tiếp theo)

Vĩ :
9 - (- -) Thúy (nương)
10 - Mĩm cười (duyên) mẹ (cha)
11 - Với hai (em) hôm nay vắng (mặt)
12 - Xin đừng lo (ngại) hiểu lòng (nhau)
13 - Xin giao (hẹn) đá vàng ghi (tạc)

Vô bài :
1 - Quyết thủy (chung) gìn keo (sơn)
2 - Quạt với (khăn) tặng chung (tình)
3 - Khúc nhạc (tấu) sầu ly (tan)
4 - Nảo dạ Kim (lang) chưa tao (phùng)
5 - Sao khóc (hận) xin vui (lòng)
6 - Chớ khảy (những) bản này làm (chi)
7 - Khúc nhạc sầu (bi) cầm (treo)
8 - Cả hai xướng (họa) càng luyến (lưu)
9 - Đậm tình (yêu) nguyệt (soi)
10 - Sáng ngoài (song) hãy (xin)
11 - Tạm chia (tay) trăm năm (nguyện)
12 - Nào vong (phụ) tay cầm (tay)
13 - Xin gắn (chặt) hai lòng như (một)

Digitized by www.namkyluctinh.org

4.- HÀNH VÂN

(21 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	Là	(XỰ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
2 -	Là	(XỰ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
3 -	Xê Líu	(XỰ)	Cống Hò Xự	(XANG)
4 -	Xê	(XANG)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)
5 -	Ú Líu	(CỐNG)	Líu Xự Xang	(XÊ)
6 -	Cống Líu	(XÊ)	Xang Hò Xang	(XỰ)
7 -	Xế	(XANG)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)
8 -	Xê Xang	(XÊ)	Líu Xự Xang	(XÊ)
9 -	Xự Xang	(HÒ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
10 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xang	(XỰ)
11 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
12 -	Là	(XỰ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
13 -	Liu	(XỀ)	Tồn Xề Liu	(PHẠN)
14 -	Xề Phạn	(LIU)	Tồn Liu Ú	(LIU)
15 -	Xê	(XANG)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)
16 -	Ú Liu	(CỐNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)
17 -	Ú Liu	(CỐNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)
18 -	Xề Phạn	(LIU)	Tồn Liu Ú	(LIU)
19 -	Xê Xang	(HÒ)	Cống Xê Xự	(XANG)
20 -	Xê	(XANG)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)
21 -	Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xế	(XANG)

5.- TỨ ĐẠI CẢNH

(46 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

Lớp I :	1 - Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Liu	(XỀ)
	2 - Xề	(LIU)	Lỉu Liu Liu	(CỘNG)
	3 - Liu	(LIU)	Lỉu Liu Liu	(CỘNG)
	4 - Liu Xàng Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	5 - Là	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	6 - Hò Xự	(- -)	Xang Xế	(XANG)
Lớp II :	7 - Xang	(XẢNG)	Xế Xang Là	(HÒ)
	8 - Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	9 - Là Là	(HÒ)	Là Cống Xê	(XANG)
	10 - Là	(XÊ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
	11 - Là Là	(XÊ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
	12 - Xê Líu	(HÒ)	Cống Xê Xự	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

4.- HÀNH VÂN

(Lời Xưa, những năm 1915-1930)

1 - (Nợ) cái duyên (gì)
2 - Là (nợ) cái duyên (gì)
3 - Mấy (đoạn) tình (si)
4 - Đề (thơ) (nhắn)
5 - Nhắn (với) tương (tri)
6 - Đêm (xuân) tà (nguyệt)
7 - (Nhành) thiên (lý)
8 - Mai dầu (xinh) kém Huệ vị (hoa)
9 - Cùng một (lòng) như giấc mơ (màng)
10 - (Hành) vân (mộng)
11 - (Trời) rạng (đông)
12 - (Giọt) sương (nồng)
13 - Cạn (bày) tâm (sự)
14 - Dậy ngồi (không) ngồi không (- -)
15 - (Đừng) toan (tính)
16 - Cái (bịnh) đa (tình)
17 - Ai (khiến) cho (mình)
18 - Dễ làm (thinh) làm thinh (- -)
19 - Ngọc Biện (Hòa) ngắm lâu càng (xinh)
20 - (Non) bồng tuy (cách)
21 - Áng mây (- -) đang đợi chim (xanh)

5.- TỨ ĐẠI CẢNH
Nhị thập tứ hiếu

Soạn lời : Trần Phong Sắc

<u>Lớp I</u> :
1 - Ngô (Mãnh) song thân (nghèo)
2 - (Đương) tuổi thơ ngây (dại)
3 - (Song) thảo thân ghi (dạ)
4 - Giúp (đở) tiếng đã rền (vang)
5 - Nghèo (khô) luống than thân (phận)
6 - Mùng mẹ (- -) đâu có (giăng)

<u>Lớp II</u> :
7 - (Muổi) rần (rần)
8 - Chàng Ngô (chạnh) là vì (thân)
9 - Chà quơ (đặng) thì nấu cơm (ăn)
10 - Mắc (như) quế kia mấy (phần)
11 - Nhiều (đâu) tới xông khói (hoài)
12 - Ngô thức (hoài) cứ quạt (luôn)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	13 - Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	14 - Hò Xự	(- -)	Xang Xế	(XANG)
Lớp III :	15 - Xang	(XẢNG)	Xế Xang Là	(HÒ)
	16 - Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	17 - Là Là	(HÒ)	Là Cống Xê	(XANG)
	18 - Là	(XÊ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
	19 - Là Là	(XÊ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
	20 - Xê Líu	(HÒ)	Cống Xê Xự	(XANG)
	21 - Là	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	22 - Hò Xự	(- -)	Xang Xế	(XANG)
Lớp IV :	23 - Xang	(XẢNG)	Xế Xang Là	(HÒ)
	24 - Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	25 - Là Là	(HÒ)	Là Cống Xê	(XANG)
	26 - Xế	(XANG)	Tồn Xang Xê	(XỀ)
	27 - Liu	(LIU)	Liu Hò	(PHAN)
	28 - Liu Liu	(XỆ)	Xề Liu	(- -)
	29 - Ú Ú	(- -)	Liu Cộng	(XỀ)
	30 - Xề Liu	(- -)	Cộng Xề	(- -)
	31 - Xê Xang	(XỰ)	Xự Xang Xế	(XANG)
	32 - Là Là	(HÒ)	Là Cống Xê	(XANG)
	33 - Xế	(XANG)	Tồn Xang Xê	(XỀ)
	34 - Liu	(LIU)	Liu Hò	(PHAN)
	35 - Liu Liu	(XỆ)	Xề Liu	(- -)
	36 - Ú Ú	(- -)	Liu Cộng	(XỀ)
	37 - Xề Liu	(- -)	Cộng Xề	(- -)
	38 - Líu Cống	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	39 - Là Hò	(- -)	Là Xự	(- -)
	40 - Là Xự	(- -)	Xang Xế	(XANG)
	41 - Xang Xể	(- -)	Xê Xang	(- -)
	42 - Xế Xê	(XANG)	Xang Xê Xự	(HÒ)
	43 - Xứ Ú	(- -)	Xáng Xề	(- -)
	44 - Xứ Xáng	(XỀ)	Tồn Xề Phạn	(LIU)
	45 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XỀ)
	46 - Xứ Xáng	(XỀ)	Tồn Xề Phạn	(LIU)

❄❄❄

Digitized by www.namkyluctinh.org

13 - Mền (đâu) đắp cho cha (mẹ)
14 - Gần gục (- -) rồi banh áo (ra)

Lớp III :

15 - (Muỗi) vầy (đoàn)
16 - Đành (ưng) nạp mình chàng (ta)
17 - Phần cha (mẹ) đừng cắn xin (tha)
18 - Giống (kia) thấy da vén (trần)
19 - Đồng (bu) nút no không (cần)
20 - Khen có (gồng) mới chịu (trân)
21 - Đàng (kia) mới ve tay (đập)
22 - Chừa mặt (- -) không dám (đeo)

Lớp IV :

23 - (Muỗi) mừng (thầm)
24 - Mình đem (nạp) là chàng (Ngô)
25 - Vì không (đập) cùng mền bu (vô)
26 - Cám (ơn) cho (máu)
27 - (Áp) vào cứ (đậu)
28 - Theo (cậu) đà quen (- -)
29 - Tránh (- -) cha mẹ (chàng)
30 - Lòng không (- -) phụ phàng (- -)
31 - Khiến cha (mẹ) ngon giấc (luôn)
32 - Hồi thơ (dại) làm túng cho (xong)
33 - Lớn (khôn) ra (sức)
34 - (Thú) tiều mới (họa)
35 - Cây (mục) về un (- -)
36 - Mới (- -) mua nệm (mùng)
37 - Phần cha (- -) mẹ dùng (- -)
38 - Mua đặng (mùng) ngăn muỗi không (động)
39 - Tiều (- -) hiếu trọng (- -)
40 - Trời cảm (động) tiên biến (ra)
41 - Phương pháp (- -) mấy khoa (- -)
42 - Mới trao (- -) cho chàng (- -)
43 - Sông (- -) hóa đàng (- -)
44 - Có tiếng (chàng) họ (Ngô)
45 - Là (Ngô) Mãnh nên danh (hiền)
46 - Sau (- -) thành thần (tiên)

✡✡✡

Digitized by www.namkyluctinh.org

III – CÁC BẢN BẮC

A – THẬP BÁT THỦ

1.- THỦ LƯU THỦY TẨU MÃ

(16 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 -	Là	(HÒ)	Hò Xang	(XỰ)
2 -	Xự	(- -)	Líu Xự Xang	(XÊ)
3 -	Xê	(- -)	Xang Xê Cộng	(LIU)
4 -	Liu	(- -)	Cộng Ú	(XÁNG)
5 -	Xáng Xáng	(- -)	Liu Xáng	(Ú)
6 -	Xáng	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
7 -	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
8 -	Tồn	(Ú)	Ú Xáng	(LIU)
9 -	Ú Xáng	(LIU)	Ú Liu Cộng	(XỀ)
10 -	Tồn	(XỀ)	Liu Xề Cộng	(LIU)
11 -	Ú Xáng	(LIU)	Ú Liu Cộng	(XỀ)
12 -	Tồn	(XỀ)	Liu Xề Cộng	(LIU)
13 -	Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộng Xê	(XANG)
14 -	Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
15 -	Xê Xang	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
16 -	Xê Cống	(XÊ)	Xang Xự Xang	(HÒ)

2.- THỦ PHÚ LỤC TẨU MÃ

(17 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(XỀ)
2 -	Ú Liu	(- -)	Xề Liu	(CỘNG)
3 -	Ú Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
4 -	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
5 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
6 -	Xê Xang	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
7 -	Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
8 -	Cống Xê	(XANG)	Xang Xê	(- -)
9 -	Cộng	(LIU)	Liu Cộng	(XỀ)
10 -	Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
11 -	Xê Xang	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
12 -	Cống Xê	(XANG)	Xang Xê	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

III – CÁC BẢN BẮC

A – THẬP BÁT THỦ

1.- THỦ LƯU THỦY TẨU MÃ
Đội gạo nuôi cha mẹ

1 - (Thầy) Tử (Lộ)
2 - Đội (- -) gạo đường (xa)
3 - Đem (- -) về nuôi mẹ (cha)
4 - Cơm (- -) canh (rau)
5 - Nhưng (- -) song (thân)
6 - Sống (- -) mà (vui)
7 - Cha (mẹ) qui (tiên)
8 - Ông (đi) xuống phía (nam)
9 - Công (danh) thỏa chí tang (bồng)
10 - Cỗ (bàn) trăm (xe)
11 - Mền (bông) áo kép (nhiều)
12 - Ngắm (vào) thêm tủi (thân)
13 - Nào (khi) đội gạo canh (rau)
14 - Cha mẹ (còn) thì (hơn)
15 - (Dạ) hiếu (ân)
16 - Dẫu tam (công) cũng chẳng (bằng)

2.- THỦ PHÚ LỤC TẨU MÃ
Kiếm sữa hươu nuôi cha mẹ

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (Châu) Đàm Tử vẹn (nghì)
2 - Làm con (- -) tròn hiếu (đạo)
3 - Hai thân (- -) tuổi càng (cao)
4 - Mắt (trần) khuất nguyệt mờ (sao)
5 - Lại (thèm) sữa hươu (- -)
6 - Phải (tìm) ở đâu (ra)
7 - Nhưng ước (nguyện) mẹ cha (- -)
8 - Dẫu khó (nhọc) đường xa (- -)
9 - (Nên) nghĩ phương kiếm (tìm)
10 - Ông (tìm) kiếm hươu (khô)
11 - Đem (lột) lấy bộ (da)
12 - Mặc (hòa) lẫn nhau (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

13 - Xê Xang	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
14 - Xê Xang	(- -)	Xể Xê	(Xang)
15 - Xê Xáng	(TỒN)	Liu	(-)
16 - Cộng Liu	(XỀ)	Tồn Xề Cộng	(LIU)
17 - Cộng Liu	(Ú)	Xáng	(LIU)

3.- THỦ BÌNH BÁN TẨU MÃ

(22 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 - Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỐNG)
2 - Líu Cống	(- -)	Líu Xự Xang	(XÊ)
3 - Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
4 - Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
5 - Líu	(XỰ)	Xang Xự Xang	(XÊ)
6 - Xang Xang	(XỰ)	Xang Hò	(CỐNG)
7 - Liu Liu	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
8 - Líu Líu	(CỒNG)	Líu Xự Xang	(XÊ)
9 - Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
10 - Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
11 - Líu	(XỰ)	Xang Xự Xang	(XÊ)
12 - Xang Xang	(XỰ)	Xang Hò	(CỐNG)
13 - Tồn	(LIU)	Cộng Líu	(XÊ)
14 - Cống Líu	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
15 - Xang Xang	(XỰ)	Xang Hò	(CỐNG)
16 - Liu Liu	(Ú)	Xáng Tồn	(LIU)
17 - Xừ	(XANG)	Xang Xừ	(XANG)
18 - Xê Cống	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
19 - Xê Xang	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
20 - Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
21 - Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
22 - Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)

4.- THỦ CỔ BẢN TẨU MÃ

(34 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 - Hò	(XÊ)	Cống Xê	(XANG)
2 - Xang Xang	(XÊ)	Xang Cống	(- -)
3 - Liu Liu	(CỘNG)	Xề Cộng Liu	(Ú)
4 - Ú Liu	(CỘNG)	Ú Liu	(- -)
5 - Hò Hò	(XỰ)	Xang Hò	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

13 - Nhập (bầy) chốn non (cao)
14 - Dần dà (- -) lấy sữa nuôi (thân)
15 - Bỗng (gặp) thợ săn (- -)
16 - Rắp (- -) buông cung (tên)
17 - Nghe (qua) mới cảm (thương)

3.- THỦ BÌNH BÁN TẨU MÃ
Đùa để vui cha mẹ

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - Đời (Châu) có Lão Lai (Tử)
2 - Hiều thảo (- -) thờ hai (thân)
3 - Chẳng (- -) kể ngọt (bùi)
4 - Tuổi (già) bảy mươi (- -)
5 - Nói (cười) giống trẻ (con)
6 - Để cha (mẹ) thấy mình (trẻ)
7 - Khi (- -) cha mẹ ngồi (chơi)
8 - Ông (bắt) chước trẻ (thơ)
9 - Từ xa (- -) ông ghé lăn (vào)
10 - Múa (điệu) nhởn nhơ (- -)
11 - Áo (quần) sặc sỡ tóc bạc (phơ)
12 - Chốn đường (thượng) khi hầu bưng (nước)
13 - Giả bộ (té) trước thềm (hoa)
14 - Khóc oa (oa) lên ba thuở (nào)
15 - Cha mẹ (già) trông vào vui (vẻ)
16 - Tưởng (đâu) vẫn còn (xuân)
17 - Tuổi (cao) chẳng nhớ (ra)
18 - Suốt (ngày) cợt đùa với (con)
19 - Gia (đình) đầm ấm tươi (vui)
20 - Cho hay (- -) nhân tử sự (thân)
21 - Trăm (- -) năm biết (được)
22 - Mấy (- -) lần được (vui)

4.- THỦ CỔ BẢN TẨU MÃ
Khóc tre nẩy măng

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (Ngô) Mạnh (Tông)
2 - Phụ (thân) sớm khuất (- -)
3 - (Thờ) mẫu (thân)
4 - Hết (dạ) hiếu ân (- -)
5 - Cha (lại) già (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

6 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
7 -	Xê Xang	(- -)	Hò Líu	(CỐNG)
8 -	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
9 -	Hò	(XÊ)	Cống Xê	(XANG)
10 -	Xang Xang	(XÊ)	Xang Cống	(- -)
11 -	Liu Liu	(CỘNG)	Xề Cộng Liu	(Ú)
12 -	Ú Liu	(CỘNG)	Ú Liu	(- -)
13 -	Hò Hò	(XỰ)	Xang Hò	(- -)
14 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
15 -	Xê Xang	(- -)	Hò Líu	(CỐNG)
16 -	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
17 -	Xáng Xáng	(- -)	Xáng Tồn	(LIU)
18 -	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
19 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(CỘNG)
20 -	Tồn	(LIU)	Liu Cộng	(XỀ)
21 -	Tồn	(XỀ)	Xề Cộng	(LIU)
22 -	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
23 -	Xê Xang	(HÒ)	Hò Xự	(XANG)
24 -	Xê	(XANG)	Xự Xang	(XÊ)
25 -	Cộng	(XỀ)	Xề Cộng	(LIU)
26 -	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
27 -	Xê Xang	(HÒ)	Hò Xự	(XANG)
28 -	Liu Liu	(XỀ)	Xề Phạn	(LIU)
29 -	Tồn	(LIU)	Ú Liu Cộng	(XỀ)
30 -	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
31 -	Xê Xang	(HÒ)	Hò Xự	(XANG)
32 -	Xê Xang	(XỰ)	Xự Xang	(XÊ)
33 -	Liu Liu	(XỀ)	Xề Cộng	(LIU)
34 -	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)

5.- THỦ XUÂN TÌNH TẨU MÃ

(24 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 -	Tồn	(CỘNG)	Líu Cống	(XÊ)
2 -	Cống Cống	(XÊ)	Xang Líu	(XỰ)
3 -	Xang Xang	(XỰ)	Xang Hò	(CỐNG)
4 -	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
5 -	Xê Xang	(XỰ)	Xang	(HÒ)
6 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
7 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Líu	(XÊ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

6 - (Thường) hay đau (- -)
7 - Khi đau (- -) người thèm (muốn)
8 - Được ăn (- -) một bát canh (măng)
9 - Mùa (đông) thật khó (khăn)
10 - Vào rừng (tre) tìm kiếm (- -)
11 - Nhưng (nào) có thấy (đâu)
12 - Tre khô (cằn) xác xơ (- -)
13 - Thất (vọng) cho mình (- -)
14 - Thôi (- -) đành ôm cây (- -)
15 - Khóc than (- -) càng thảm (thiết)
16 - Xin cho (- -) nẩy mầm (măng)
17 - Giữa đất (- -) bằng rất (nhanh)
18 - Mấy giò (măng) nẩy (sanh)
19 - Mừng (thôi) nhanh chân đi (vội)
20 - Ông (đem) bỏ vô (nồi)
21 - Nấu (thành) bát canh (măng)
22 - Đem (- -) cho mẹ (ăn)
23 - Mẹ (già) thèm được (măng)
24 - Bịnh (căn) giảm hết (ngay)
25 - Chuyện (- -) lạ lùng (thay)
26 - Măng (- -) lại mọc mùa (đông)
27 - Ra (ngoài) sự ước (mong)
28 - Khóc (cùng) với cỏ (cây)
29 - Cho (hay) hiếu đạo làm (đầu)
30 - Khóc than (- -) cùng đợi (trông)
31 - Chuyện (gì) cũng thỏa ước (mong)
32 - Đất trời (còn) phải động (tâm)
33 - Thâm (tình) đậm (sâu)
34 - Khiến cây (- -) cỏ cũng (tình)

5.- THỦ XUÂN TÌNH TẨU MÃ
Bán mình chôn cha

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - Đời Đông (Hớn) có tấm (gương)
2 - Con (- -) hiếu (đạo)
3 - Là (người) Đổng (Vĩnh)
4 - Nghèo (khó) mà thẳng (ngay)
5 - Chẳng may (gặp) lúc cha (mình)
6 - Mãn (phần) không tiền chôn (- -)
7 - Phụ tang (đó) nhơn tình còn (chi)

Digitized by www.namkyluctinh.org

8 -	Cống Cống	(XÊ)	Xang Líu	(XỰ)
9 -	Xang Xang	(XỰ)	Xang Hò	(CỐNG)
10 -	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
11 -	Xê Xang	(XỰ)	Xang	(HÒ)
12 -	Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò	(- -)
13 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
14 -	Cống Cống	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
15 -	Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Phạn	(LIU)
16 -	Liu	(- -)	Tồn Liu	(CỘNG)
17 -	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
18 -	Xang Xang	(XỰ)	Xang	(- -)
19 -	Hò	(- -)	Cống Xê	(XANG)
20 -	Cộng Cộng	(TỒN)	Liu	(- -)
21 -	Liu Liu	(- -)	Tồn Liu	(CỘNG)
22 -	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
23 -	Xang Xang	(XỰ)	Xang	(- -)
24 -	Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Phạn	(LIU)

6.- THỦ TÂY THI TẨU MÃ

(26 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 -	Liu Liu	(XỀ)	Phạn	(LIU)
2 -	Ú Liu	(- -)	Cộng Liu	(XỀ)
3 -	Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Liu	(CỘNG)
4 -	Líu Líu	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
5 -	Xự Xự	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
6 -	Ú Liu	(- -)	Cộng Liu	(XỀ)
7 -	Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Liu	(CỘNG)
8 -	Líu Líu	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
9 -	Xự Xự	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
10 -		(Ú)	Ú Tồn	(Ú)
11 -	Xáng Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
12 -	Xê Xang	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)
13 -	Liu Liu	(- -)	Xế Cộng	(LIU)
14 -	Cộng Cộng	(TỒN)	Liu	(- -)
15 -	Xáng Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
16 -	Tồn	(CỘNG)	Lủu Liu	(XỀ)
17 -	Cộng Cộng	(TỒN)	Liu	(- -)
18 -	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
19 -	Líu Cống	(- -)	Xê Xang	(XỰ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

8 - Mới đi (vay) một nhà (giàu)
9 - Chôn cha (rồi) sẽ làm (mướn)
10 - Trừ hết (- -) nợ mới (thôi)
11 - Miễn cha (được) thể phách an (nhàn)
12 - Khổ (cực) đồng tiền (- -)
13 - Khi lên (đường) đến phú (gia)
14 - Bỗng (- -) gặp người đàn (bà)
15 - Xin kết (làm) phu phụ cùng (đi)
16 - Đến nơi (- -) vợ chồng hiệp (lực)
17 - Dệt ba trăm (- -) tấm lụa xong (- -)
18 - Trả nợ (cho) phú ông (- -)
19 - Không còn (- -) chi thiếu (công)
20 - Vợ chồng (từ) biệt đi (- -)
21 - Đang đi (- -) bỗng người (vợ)
22 - Biến (- -) mất trên (đường)
23 - Vì là (trời) thương (- -)
24 - Cho tiên (cùng) chàng giúp (công)

6.-THỦ TÂY THI TẨU MÃ
Hái dâu nuôi mẹ

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - Hiếu Thuận (nhằm) thời loạn (ly)
2 - Mây bay (- -) khói tỏa tơi (bời)
3 - Đất không (cày) bỏ hoang vườn (ruộng)
4 - Mọi (nhà) không no đủ (- -)
5 - Nhưng ông (thờ) mẫu thân (- -)
6 - Hiếu (- -) đạo tròn (nghì)
7 - Nơi ruộng (rừng) kiếm đồ nuôi (mẹ)
8 - Quả dâu (lượm) chia để (- -)
9 - Hai (phần) biệt nhau (- -)
10 - Quân giặc (thấy) cười (thay)
11 - Hỏi (sao) chia hai chi (phiền)
12 - Rằng (chung) trong một (quả)
13 - Ngọt thơm (- -) màu ở sắc (đen)
14 - Sắc đỏ (thì) không ngon (- -)
15 - Phải lựa ra (- -) dâng cho (mẹ)
16 - Để (gọi) được chút (tình)
17 - Hiếu đạo (- -) đền ơn (- -)
18 - Giặc nghe (- -) hiếu thảo cả (khen)
19 - Trong buổi (- -) mọi nơi ly (loàn)

Digitized by www.namkyluctinh.org

20 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
21 -	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
22 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
23 -	Cộng Cộng	(TỒN)	Xê	(- -)
24 -	Xê Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỐNG)
25 -	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
26 -	Cộng Cộng	(TỒN)	Liu	(- -)

7.- THỦ LƯU THỦY VẮN

(16 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Xê Xang	(- -)	Hò Xang	(XỰ)
2 -	Tồn	(- -)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	Xang Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XỀ)
3 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
	Ú Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
4 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Liu Liu	(- -)	Cộng Xê	(XANG)
5 -	Xang	(XÊ)	Xể Xế Xê	(XANG)
	Xể Xê	(XANG)	Xế Xáng	(Ú)
6 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(XỀ)
	Ú Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
7 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Tồn Liu	(Ú)
8 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(Ú)
	Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Ú	(LIU)
9 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
	Ú Ú	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XỀ)
10 -	Tồn	(XỀ)	Cộng Liu	(XỀ)
	Cộng Cộng	(XỀ)	Cộng Tồn	(LIU)
11 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
	Ú Ú	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XỀ)
12 -	Tồn	(XỀ)	Liu Xề Cộng	(LIU)
	Ú Xáng	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XỀ)
13 -	Tồn	(XỀ)	Xề Tồn	(CỘNG)
	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
14 -	Xê	(XANG)	Xê Xang	(HÒ)
	Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

20 - Cương (thường) vẫn giữ (xong)
21 - Truyền quân (- -) lấy cho (ông)
22 - Một cái (đùi) trâu (- -)
23 - Một (bầu) gạo lương (- -)
24 - Mừng (thôi) bước mau nhẹ (gót)
25 - Về đem (- -) miếng sốt dâng (qua)
26 - Giặc mà (còn) động tâm (- -)

7.- THỦ LƯU THỦY VẮN
Cho mẹ chồng bú

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) (Nhà)
Họ Thôi (- -) ai bằng Đường (Thị)
2 - Dâu hiền (- -) giữ thảo (nghì)
Thương mẹ (chồng) niên kỷ đã (cao)
3 - (- -) Răng (rụng)
Không ăn (- -) gì được (ngon)
4 - Ngày (đêm) trông coi cẩn (thận)
Chải lau (- -) sạch sẻ thân (già)
5 - Không (ăn) sao đủ (no)
Nàng (cho) mẹ chồng (bú)
6 - (Sữa) ngọt thay (mùi)
Không cơm (- -) cháo mà đủ (no)
7 - Vì nàng (dâu) hết lòng phụng (sự)
Da nhăn (- -) tóc bạc hôm (qua)
8 - Hôn (nay) bà trẻ (ra)
Tươi (vui) như có mùa (xuân)
9 - Ơn (sâu) không báo (lại)
Sắp lâm (chung) khấn nguyện với (trời)
10 - Xin cho (nguyền) được như (nguyền)
Cho dâu (hiền) ở ngày (sau)
11 - Được (dâu) con hiền (thục)
Như (dâu) con bây (giờ)
12 - Cả (nhà) họ (Thôi)
Nghe (qua) đã dặn (lòng)
13 - Mọi (người) đều hiếu (kính)
Thương yêu (- -) hòa thuận lẫn (nhau)
14 - Thôi (gia) kể từ (giờ)
Đời (đời) hưng thạnh vinh (sang)

Digitized by www.namkyluctinh.org

15 -	Xê	(XANG)	Xê Xang	(XỰ)
	Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
16 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(-)
	Cộng Cộng	(XỀ)	Cộng Tồn	(LIU)

8.- THỦ PHÚ LỤC VẮN

(17 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Ủ	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
2 -	Tồn Ú	(- -)	Liu Xề	(- -)
	Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Liu	(CỘNG)
3 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
4 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Liu	(Ú)
5 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
	Xê Xang	(- -)	Xự Xê	(XANG)
6 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
	Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
7 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	Xang Cống	(- -)	Xê Xang Cống	(XÊ)
8 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
9 -	Xừ	(CỐNG)	Xừ Cống Xừ	(LIU)
	Ú Xáng	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XỀ)
10 -	Xê	(XANG)	Xê Xang	(XỰ)
	Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
11 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	Xang Cống	(- -)	Xê Xang Cống	(XÊ)
12 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
13 -	Tồn	(LIU)	Xế Xáng	(Ú)
	Xê Xang	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
14 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Xể	(- -)	Xế Xê	(XANG)
15 -	Tồn	(HÒ)	Xang Hò Xự	(XANG)
	Xế Xế	(XÁNG)	Tồn Ú Xáng	(LIU)
16 -	Tồn	(CỘNG)	Cộng Liu	(XỀ)
	Cộng Cộng	(XỀ)	Cộng Tồn	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

15 - Ai (nghe) cũng đều khen (ngợi)
Cho mẹ (chồng) bú thay (cơm)
16 - Báu (nào) báu hơn (- -)
Có một (- -) nàng dâu (ngoan)

8.- THỦ PHÚ LỤC VẮN
Quạt nồng ấp lạnh

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) Đời Hậu (Hán)
Huỳnh Hương (- -) chín tuổi non (khờ)
2 - Mẹ sớm (- -) qua đời (- -)
Hai (- -) hàng châu (lệ)
3 - Không (- -) bao giờ (cạn)
Trong (- -) làng đều (khen)
4 - Sớm (khuya) thờ nghiêm (phụ)
Nhứt (- -) mực cần (chuyên)
5 - Đạo (làm) con (- -)
Chẳng sao (- -) dám chút (khuây)
6 - Trời (khi) đem lửa (hạ)
Cái (nóng) bức vô (cùng)
7 - Gối (chăn) đem ra (quạt)
Hơi nóng (- -) tỏa bay (đi)
8 - Gặp (buổi) tiết trời (đông)
Tuyết (sương) phủ giăng (- -)
9 - Ấp hơi (mình) vào chiếu (chăn)
(Cho) ấm áp hơi (nồng)
10 - Vì (con) cha được yên (lành)
Không bao (giờ) biết tuần hạ (đông)
11 - Tiếng đồn (xa) gương hiếu (hạnh)
Quận thú (- -) ở gần (bên)
12 - Nêu (biển) đem treo (lên)
Chói đỏ (chữ) vàng son (- -)
13 - Cho (hay) tuổi còn (non)
Nhưng (- -) lại thảo (ngay)
14 - Một (dạ) không sai (- -)
Chẳng (- -) ngày hay (đêm)
15 - Quạt (nồng) nắng hạ gắt (gay)
Ấp lạnh (- -) khi tiết (đông)
16 - Tính (lại) ngàn xưa đến (giờ)
Con (người) trên thế (gian)

Digitized by www.namkyluctinh.org

17 -	Tồn	(CỘNG)	Liu Cộng Liu	(Ú)
	Xế Xáng	(TỒN)	Liu	(- -)

9.- THỦ BÌNH BÁN VẮN

(22 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xể Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỐNG)
2 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
3 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
4 -	Hò	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
5 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Cống Xê	(XANG)	Cống Líu	(XÊ)
6 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	Xang Xê	(- -)	Cống Xàng Xê	(CỐNG)
7 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Ú Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
8 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
	Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
9 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
10 -	Hò	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
	Cống Xê	(XANG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
11 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Cống Xê	(XANG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
12 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	Xang Xê	(- -)	Cống Xàng Xê	(CỐNG)
13 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Liu	(XỀ)
14 -	Tồn	(CỐNG)	Ú Líu	(XÊ)
	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
15 -	Tồn	(XANG)	Xảng Xang Xang	(XỰ)
	Xê Xang	(- -)	Hò Líu	(CỐNG)
16 -	Liu	(XỀ)	Cộng Xề Cộng	(LIU)
	Tồn Tàng	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
17 -		(- -)	Xừ	(XANG)
	Xê Xang	(- -)	Xang Xừ	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

17 - Thì (được) có bao (nhiêu)
Biết đạo (làm) con (- -)

9.- THỦ BÌNH BÁN VẮN
Nghe tiếng sấm khóc mồ mẹ

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) Ngụy Vương (Thôi)
Gặp (- -) đời Tây (Tấn)
2 - Vì thù (cha) ông lánh (mặt)
Bên (mồ) khóc đã khô (cây)
3 - (- -) Hướng (tây)
Chẳng (- -) bao giờ (ngồi)
4 - Hướng kẻ thù (- -) đã giết (cha)
Trọn đời (- -) không tha (- -)
5 - Khi (sấm) sét nổ (vang)
Ông đi (vào) mồ mẹ khóc (than)
6 - Lại (thưa) có con đây (rồi)
Xin (- -) mẹ an (giấc)
7 - (- -) Xưa (nay)
Vốn (- -) tánh mẹ (ông)
8 - Khi (có) mưa đổ (hột)
Bà rất (sợ) sấm sét bên (tai)
9 - (- -) (Nên)
Coi sóc (- -) sớm trưa chẳng (từ)
10 - Thần (- -) phách được (yên)
Dạ (ông) mới được (yên)
11 - (- -) (Khi)
Thường (ông) đọc sách đến (câu)
12 - Thương (cha) mẹ sanh khó (nhọc)
Lệ ông (- -) tuôn tràn đẫm (ướt)
13 - (- -) Kẻ cập (môn)
Cũng (- -) cảm ngập (ngừng)
14 - Chẳng (dám) ngâm thơ Lục (Nga)
Gợi (thêm) ông nỗi (buồn)
15 - Nhớ mẹ (cha) nơi cửu (tuyền)
Khôn (ngăn) đôi dòng nước (mắt)
16 - (Thầy) ra làm (sao)
Học trò (- -) cũng cảm (theo)
17 - (- -) Kinh (thi)
Thơ (- -) Lục (Nga)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
	Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
19 -	Líu Líu	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
	Xang	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
20 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Líu Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
21 -	Tồn	(CỐNG)	Ú Líu	(XÊ)
	Cống Hò	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
22 -	Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	Xự	(- -)	Cống Xê	(XANG)

10.- THỦ CỔ BẢN VẮN

(34 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Cống Líu	(- -)	Xê Cống Xê	(XANG)
2 -	Xang	(- -)	Xang Xê	(- -)
	Xang Xang	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)
3 -	Ú	(- -)	Liu Cộng	(- -)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Liu	(Ú)
4 -	Ú	(- -)	Liu Ú	(- -)
	Ú Ú	(XÁNG)	Tồn Liu	(- -)
5 -	Là Là	(HÒ)	Xang Xự	(- -)
	Xê Xang	(- -)	Hò Xự	(HÒ)
6 -	Hò Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
	Xê Xang	(- -)	Hò Xang	(XỰ)
7 -	Hò Xê	(- -)	Xang Líu Cống	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xê Xang Líu	(CỐNG)
8 -	Xừ Ú	(- -)	Liu Cộng	(- -)
	Xừ Xang	(- -)	Cống Xê	(XANG)
9 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Cống Líu	(- -)	Xê Cống Xê	(XANG)
10 -	Xang	(- -)	Xang Xê	(- -)
	Xang Xang	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)
11 -	Ú	(- -)	Liu Cộng	(- -)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Liu	(Ú)
12 -	Ú	(- -)	Liu Ú	(- -)
	Ú Ú	(XÁNG)	Tồn Liu	(- -)
13 -	Là Là	(HÒ)	Xang Xự	(- -)
	Xê Xang	(- -)	Hò Xự	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18 - (Xin) cùng (thầy)
(Đừng) giảng (qua)
19 - Sẽ (gợi) lại trong (tâm)
Bi ai (- -) giọt lệ không (ngăn)
20 - (- -) (Thử)
Lý (- -) thử (tâm)
21 - Trò (giỏi) có thầy (hay)
Xưa (nay) là chuyện (thường)
22 - Thầy (trò) đồng cảm biết (bao)
Thâm tình (- -) cũng giống (nhau)

10.- THỦ CỔ BẢN VẮN
Bỏ quan chức đi tìm mẹ

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) (Châu)
Thọ (- -) (Xương)
2 - Làm (- -) quan (- -)
Đời (- -) nhà (Tống)
3 - Bảy (- -) tuổi đầu (- -)
Phải (- -) lìa mẫu (thân)
4 - Vì đích mẫu (- -) nhẫn tâm (- -)
Đuổi (mẹ) ông (- -)
5 - Giang (hồ) phiêu bạt (- -)
Thân (- -) liễu (bồ)
6 - Không (- -) bến bờ (- -)
Lang thang (- -) bầu tâm (sự)
7 - Trời sao (- -) chia rẽ (- -)
Mẹ phải (đành) chia tay con (trẻ)
8 - Năm mươi năm (- -) đói lạnh (- -)
Tưởng đâu (- -) trông cậy vào (con)
9 - (- -) Làm (quan)
Sung sướng (- -) cái (thân)
10 - Trong khi (- -) mẹ lang thang (- -)
Làm con (- -) sao không báo (đáp)
11 - Lương tâm (- -) hổ thẹn (- -)
Dám đâu (- -) nhìn thấy cỏ (cây)
12 - Sanh ngã (- -) nhọc thay (- -)
Phải (kíp) từ quan (- -)
13 - Quyết (tìm) mẹ (- -)
Đúng y (- -) lời (thề)

Digitized by www.namkyluctinh.org

14 -	Hò Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
	Xê Xang	(- -)	Hò Xang	(XỰ)
15 -	Hò Xê	(- -)	Xang Líu Cống	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xê Xang Líu	(CỐNG)
16 -	Xừ Ú	(- -)	Liu Cộng	(- -)
	Xừ Xang	(- -)	Cống Xể Xê	(XANG)
17 -	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
	Là Là	(- -)	Hò Xự	(XANG)
18 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
	Xang Xang	(- -)	Xể Xê	(XANG)
19 -	Xể Xê	(- -)	Xang Xự	(HÒ)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
20 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Tồn	(LIU)
21 -	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
	Ú Liu	(- -)	Tồn Cộng Líu	(XÊ)
22 -	Ú Liu	(XỀ)	Tồn Xề Liu	(CỘNG)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
23 -	Tồn	(XANG)	Líu Líu	(XỰ)
	Xang	(LÍU)	Hò	(- -)
24 -	Là Là	(- -)	Hò Xự	(XANG)
	Líu	(XỰ)	Xang Xự Xang	(XÊ)
25 -	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Tồn	(LIU)
26 -	Ú Liu	(XỀ)	Tồn Xề Liu	(CỘNG)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
27 -	Tồn	(XANG)	Líu Líu	(XỰ)
	Xể Xê	(XANG)	Tồn Xang	(- -)
28 -	Tang Tang	(XỀ)	Xứ Phạn Tang	(HO)
	Xang Tồn Cống	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
29 -	Tồn	(- -)	Liu Cộng	(LIU)
	Tồn Ú	(- -)	Xáng Ú Liu	(XỀ)
30 -	Hò Xê	(- -)	Líu Xự Xang	(CỐNG)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
31 -	Tồn	(XANG)	Líu Líu	(XỰ)
	Xang	(LÍU)	Líu Hò	(- -)
32 -	Là Là	(HÒ)	Hò Xự	(XANG)
	Líu	(XỰ)	Xang Xự Xang	(XÊ)
33 -	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
	Liu Liu	(- -)	Xề Cộng Tồn	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

14 - Cùng gia nhân (- -) cận kề (- -)
Không (- -) tìm gặp (mẹ)
15 - Sẽ (- -) không lui gót (- -)
Tấm thân (này) chỉ cam phó (thác)
16 - Trời kia (- -) đâu nỡ phụ (- -)
Lòng con (- -) hiếu để thảo (ngay)
17 - Khiến cho (mẹ) với con (- -)
Trùng phùng (- -) thỏa ước (mong)
18 - Đồng (Châu) bở ngỡ (gặp)
Năm mươi (- -) năm cách (xa)
19 - Nỗi vui (- -) không tả nên (lời)
Con ôm (mẹ) khóc ngay (- -)
20 - Đầu (con) hoa râm tóc (bạc)
Đâu như (- -) bảy tuổi trước (đây)
21 - Trẻ (thơ) tóc đen (- -)
Đâu (- -) còn đùa giỡn như (xưa)
22 - Mẹ (đầu) thời tuyết (bạc)
Đâu còn (- -) đẹp đẽ thanh (xuân)
23 - Từ (đây) hết khổ (cực)
Thôi (- -) khóc thầm (- -)
24 - Phận bèo (- -) dạt mây (trôi)
Không (sợ) bữa đói bữa (no)
25 - Không còn (chi) phải lo (- -)
Dựng xây (- -) cuộc sống hôm (nay)
26 - Trên (hòa) dưới (thuận)
Ấm êm (- -) chung một gia (đình)
27 - Cho (hay) máu chảy ruột (mềm)
Sự (đời) đương nhiên (- -)
28 - Khi (làm) quan (to)
Hưởng (lương) triều đình (- -)
29 - Mẹ con (- -) xa (nhau)
Quặn đau (- -) ở trong (lòng)
30 - Vinh (- -) hoa phú (quí)
Vui (- -) hưởng sao (xong)
31 - Làm (con) tròn hiếu (đạo)
Đối với (- -) mẹ mình (- -)
32 - Trời (già) cũng cảm (thông)
Cho (mẹ) con gặp (nhau)
33 - Khỏi tháng (ngày) gian lao (- -)
Xa quê (- -) tìm mưu (sanh)

Digitized by www.namkyluctinh.org

34 -	Ú Liu	(XỀ)	Tồn Xề Liu	(CỘNG)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)

11.- THỦ XUÂN TÌNH VẮN

(24 câu, nhịp tư, song lang 3-4))

1 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Ú Liu	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
2 -	Xừ Cống	(- -)	Líu Xê	(- -)
	Cống	(- -)	Xê Xang Líu	(XỰ)
3 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	Xừ Xang	(XÊ)	Cống Xang Líu	(CỐNG)
4 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Xừ Cống	(- -)	Xừ Cống Xê	(XANG)
5 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	Ú Liu	(- -)	Xự Xang	(HÒ)
6 -	Hò Xự	(- -)	Xang Hò	(- -)
	Xê Xang	(- -)	Hò Xự	(XANG)
7 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Ú Liu	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
8 -	Xừ Cống	(- -)	Líu Xê	(- -)
	Cống	(- -)	Xê Xang Líu	(XỰ)
9 -		(XÊ)	Cống Xê	(XANG)
	Xừ Xang	(XÊ)	Cống Xàng Líu	(CỐNG)
10 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Xừ	(CỐNG)	Xừ Cống Xê	(XANG)
11 -	Tồn	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
	Ú Liu	(- -)	Xự Xang	(HÒ)
12 -	Hò Xang	(XỰ)	Xang Hò	(- -)
	Xự Hò	(PHÀN)	Xang Hò	(- -)
13 -	Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
14 -	Líu	(XỰ)	Xang Xự Xang	(XÊ)
	Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
15 -	Liu Liu	(XỀ)	Xế Phạn Liu	(HO)
	Xế Xế	(PHẠN)	Liu Ho	(- -)
16 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XÀNG)
	Liu Liu	(XÀNG)	Liu Xàng	(CỘNG)
17 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

34 - Không có (trời) thương hiếu (đạo)
Nào ai (- -) tưởng trùng (phùng)

11.- THỦ XUÂN TÌNH VẮN
Giữ hổ cứu cha

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) Mười bốn (tuổi)
Tấn (- -) Dương (Hương)
2 - Lúc (- -) cha ông (- -)
Bước (- -) ra thăm (ruộng)
3 - Ông (theo) gần hầu (cận)
Chút (thân) tuổi (tác)
4 - Dễ (sa) vào miệng (cọp)
Vì thế (- -) ông phải theo (cha)
5 - Cọp (kia) lại xuất (hiện)
Muốn ăn (- -) thịt cha (già)
6 - Còn đợi (- -) chờ (- -)
Đúng ngay (- -) lùm sậy (lau)
7 - (- -) Còn (nhỏ)
Nhưng (- -) sợ cho (cha)
8 - Ông quyết (- -) nhảy (ra)
Với (- -) tay không đánh (cọp)
9 - Vẩn (vơ) giữa đường (đi)
Mắt tròn (xoe) nỗi cơn giận (dữ)
10 - Hai (tay) đè ngang ra (bộ)
Quyết (chống) với hổ (lang)
11 - Vì (cha) đang tuổi ngây (dại)
Biến ra (- -) can đảm phi (thường)
12 - (Cọp) bên đường (- -)
Thèm (- -) nghiến răng (- -)
13 - Sợ (người) có lá (gan)
(Đành) rút êm (- -)
14 - Tiếc (nuối) nhưng phải (đi)
Rống to (- -) lên biến (dạng)
15 - Cha (già) thấy cọp (đi)
Chuyện (lạ) mấy khi (- -)
16 - Cọp (chê) thịt (người)
Chắc thịt (già) ăn không (ngọt)
17 - Mừng (vui) khi sống (được)
Yên tâm (- -) cấy (cày)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18 -	Líu	(XỰ)	Xự	(XỰ)
	Xê	(XANG)	Tồn Xang	(-)
19 -	Líu	(HÒ)	Hò	(CỐNG)
	Hò	(- -)	Cống Xê	(XANG)
20 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Cộng Cộng	(TỒN)	Liu	(-)
21 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XÀNG)
	Liu Liu	(XÀNG)	Liu Xàng	(CỘNG)
22 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
23 -	Líu	(XỰ)	Xự	(XỰ)
	Xê	(XANG)	Tồn Xang	(-)
24 -	Liu Liu	(XỀ)	Xứ Phạn Liu	(HO)
	Xế Xế	(PHẠN)	Liu Ho	(-)

12.- THỦ TÂY THI VẮN

(26 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Ú Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
2 -	Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
3 -	Tồn	(CỘNG)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
	Liu Liu	(- -)	Xê Xang Líu	(CỐNG)
4 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
5 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
6 -	Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
7 -	Tồn	(CỘNG)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
	Liu Liu	(- -)	Xàng Xê Líu	(CỐNG)
8 -	Xang Líu	(Xự)	Xang Cống	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
9 -	Tồn	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
10 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Ủ	(- -)	Ú Liu	(Ú)
11 -	Tồn	(XÁNG)	Xể Xế Xáng	(LIU)
	Xáng Tồn	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18 - (Phụ) tử vầy (đoàn)
Về (nhà) yên vui (- -)
19 - (Nhờ) chữ (hiếu)
Mà (- -) Tấn Dương (Hương)
20 - Ốm (yếu) lại đởm (đương)
Cọp lại (sợ) oai phuông (- -)
21 - Cho (hay) do hiếu tạo (thành)
Sức mạnh (nào) lại sánh (được)
22 - Làm (con) hiếu (đạo)
Ốm tong teo (- -) mà vẫn có (uy)
23 - Thẳng (đường) mà hành (động)
Xả (thân) vì cha (- -)
24 - Thân (mình) sá kể (chi)
Ơn sanh (thành) gắn ghi (- -)

12.- THỦ TÂY THI VẮN
Nằm trên băng tìm cá chép

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) Xưa (kia)
Vương (- -) Tường sanh (ra)
2 - Nhằm (ngay) vào đời (Tấn)
Tủi (- -) cho mẹ (mình)
3 - Sớm (vội) lìa (trần)
Cha (nào) hiểu ra (- -)
4 - Con (chồng) mẹ ghẻ (- -)
Ngày đêm (- -) phải tiếng chua (ngoa)
5 - Thêm (bớt) thêu dệt với (cha)
Cha (nào) hiểu ra (- -)
6 - Lòng (cha) không còn thương (yêu)
Như (- -) thuở ngày (nào)
7 - (Ruột) thắt gan (bào)
Nhưng con (- -) như xưa chẳng (khác)
8 - Mẹ (thèm) ăn cá chép (- -)
Trời đông (- -) lạnh khó (khăn)
9 - Trên (giá) đóng thành (băng)
Cá (nào) kiếm ăn (- -)
10 - (- -) Cá (tươi)
Ăn được (- -) mẹ rất (vui)
11 - Mà phải (- -) cá Lý (Ngư)
Biết tìm (- -) đâu cho (được)

Digitized by www.namkyluctinh.org

12 -	Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Xê	(XANG)
	Xê Xang	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)
13 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Tồn	(LIU)
14 -	Ú Líu	(XỪ)	Xang Cống	(- -)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Tồn	(LIU)
15 -	Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng	(LIU)
	Xáng Tồn	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
16 -	Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	Ú Liu	(- -)	Tồn Cộng Líu	(XÊ)
17 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Tồn	(LIU)
18 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
19 -	Tồn	(CỐNG)	Ú Líu	(XÊ)
	Xang Líu	(XỰ)	Hò Xự	(- -)
20 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
21 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
22 -	Tồn	(XANG)	Xê Xang	(HÒ)
	Xự	(XANG)	Tồn Xang	(- -)
23 -		(- -)	Cống	(XÊ)
	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
24 -	Ú Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	Xê Xang	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)
25 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
26 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XÊ)
	Cộng Cộng	(TỒN)	Liu	(- -)

13.- THỦ LƯU THỦY TRƯỜNG

(32 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Xế Xang Tồn	(- -)	Hò Xự	(XANG)
2 -	Xang Hò	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
3 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Líu Cống	(XÊ)	Xang Líu	(XỰ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

12 - Thôi liều (mạng) nằm tại trên (băng)
Nguyện lăm răm (- -) quyết cầu cho (thấy)
13 - Cởi áo (ra) nằm co chờ (đợi)
Thân (- -) lạnh mấy cũng (vui)
14 - Bỗng (liền) giá lỡ (- -)
Băng (- -) nứt nẻ làm (hai)
15 - Dưới khe (- -) có cá Lý (Ngư)
Cả bầy (- -) đang bơi (lên)
16 - Ông (liền) thò tay (bắt)
Một đôi (- -) cá chép thật (to)
17 - Đem (về) nấu kho (- -)
Món ăn (- -) nào thèm ăn (ngon)
18 - Mùa (đông) cá tìm đâu (gặp)
May con (- -) giỏi kiếm (tìm)
19 - Từ (đó) cho tới (sau)
Cha (mẹ) đổi giận (- -)
20 - Không còn tệ (bạc) cùng ông (- -)
Còn thêm (- -) quí trọng ông (nhiều)
21 - Làm (con) tròn câu hiếu (đạo)
Cha mẹ nghĩ (sao) mình giữ phận (mình)
22 - (Luôn) phụng dưỡng kính (thờ)
Trọn đạo (- -) làm con (- -)
23 - (- -) Cho (hay)
Tình cảm (- -) người thân (- -)
24 - Khó (dễ) cũng do (ta)
Thái (độ) ta đối (xử)
25 - (Như) Vương Tường mất (mẹ)
Mẹ kế (- -) lại rất chua (ngoa)
26 - Nhờ hiếu (- -) đạo phụng (thờ)
Mà cả (nhà) ấm êm (- -)

13.- THỦ LƯU THỦY TRƯỜNG
Lòng hiếu cảm động đến trời

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) Mẹ (hiền)
Vội lìa (- -) trần (gian)
2 - Buổi (tiềm) long gặp vận (- -)
Vua Thuấn (đành) cam lận (đận)
3 - (- -) Cổ Tẩu (cha)
(Xem) ra quá ương (hèn)

Digitized by www.namkyluctinh.org

4 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
5 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
6 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Ú Liu	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
7 -	Tồn	(LIU)	Liu Tồn Liu	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
8 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Cộng Xê	(XANG)
9 -		(- -)	Xang	(XÊ)
	Xang Xể	(- -)	Xể Xê	(XANG)
10 -	Xang Xể	(- -)	Xê Xang	(- -)
	Xể Xê	(XANG)	Xang Xê Líu	(XỰ)
11 -		(- -)	Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
12 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Tồn	(LIU)
13 -	Tồn	(LIU)	Liu Tồn Liu	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
14 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
15 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Xế Xáng	(Ú)	Ú Liu	(Ú)
16 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(Ú)	Liu Ú Xáng	(LIU)
17 -	Tồn	(LIU)	Liu Tồn Liu	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
18 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Líu Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
19 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(- -)	Xang Cống Líu	(XÊ)
20 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Cộng Cộng	(XỀ)	Cộng Tồn	(LIU)
21 -	Tồn	(LIU)	Liu Tồn Liu	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
22 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Líu Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
23 -		(- -)	Tồn	(XỀ)
	Xề Tồn	(- -)	Cộng Ú	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

4 - Khắc khe mẹ (ghẻ) con chồng (- -)
Em (Tượng) thì rất điêu (ngoa)
5 - (- -) Ngày (đêm)
Ra (- -) thân cực (nhọc)
6 - Vẫn một (niềm) ngon ngọt (- -)
Một mình (- -) thuận cả vừa (ba)
7 - Trên (- -) chìu mẹ (cha)
Dưới (- -) cùng em thuận (hòa)
8 - Cho vui vẻ (- -) cả nhà (- -)
Dẫu sanh (tử) không chút biến (dời)
9 - (- -) Trời (cao)
Xa (- -) thẳm cũng cảm (thông)
10 - Vật vô tri (- -) cũng hiểu ông (- -)
Mấy (phen) phôi pha non (Lịch)
11 - (- -) Ông làm (ruộng)
Cỏ (- -) mọc xanh (tươi)
12 - Ông ra (sức) móc moi (- -)
Nhưng (nào) có hết cỏ (đâu)
13 - Bổng (đâu) có một đàn (chim)
Trên không (đáp) xuống tìm cỏ (nhặt)
14 - Đất hoang (giờ) sạch sẻ (- -)
Ông (vui) sướng biết (bao)
15 - (- -) Giờ (đây)
Chỉ còn (- -) cày ruộng là (xong)
16 - Được nửa (phần) nhọc công (- -)
Đã thỏa (lòng) ông ước (mong)
17 - Lòng (ông) ở thảo (ngay)
Bầy voi (kia) cũng cảm (động)
18 - Kéo (nhau) cày ruộng (- -)
Xong vụ (mùa) mới trở lại rừng (sâu)
19 - (- -) Tiếng (tăm)
Hiếu (- -) thảo của (ông)
20 - Được đồn (khắp) ngoài trong (- -)
Đã lọt (vào) tai vua (Nghiêu)
21 - Vua (Nghiêu) cho mời (ông)
Đến bệ (đơn) để bàn (luận)
22 - Nghe ông (người) hiếu thuận (- -)
Mới đem (truyền) lại ngôi (vua)
23 - (- -) Đã qua (hồi)
Cái (- -) thuở hàn (vi)

Digitized by www.namkyluctinh.org

24 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(- -)
	Ú Ú	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XỀ)
25 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
26 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
27 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(HÒ)
28 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
29 -	Tồn	(XANG)	Xang Tồn	(XÊ)
	Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
30 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
31 -	Tồn	(XÊ)	Xê Hò Líu	(CỐNG)
	Xàng liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
32 -	Tồn	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Ú Liu	(XỀ)	Cộng Tồn	(LIU)

14.- THỦ PHÚ LỤC CHẤN

(34 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Là	(XỰ)
	Xê Xang	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
2 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Liu Liu	(Ú)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
3 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Cống Xê	(XANG)	Xê Cống Líu	(XÊ)
4 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Cống Xê	(XANG)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
5 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Lỉu	(- -)	Líu Liu	(XỀ)
6 -	Xề Ú	(- -)	Liu Xề	(- -)
	Ú Liu	(- -)	Xề Cộng Tồn	(LIU)
7 -	Tồn	(LIU)	Liu Tồn Liu	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
8 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Ú Liu	(- -)	Cộng Tồn Liu	(Ú)
9 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang	(- -)	Xê Xang	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

24 - Suốt ngày (- -) cầm thi (- -)
Áo xiêm (- -) thảnh thơi cả (đời)
25 - (- -) Mẹ (cha)
Anh (- -) em hòa (thuận)
26 - Mẹ ghẻ con (chồng) rất mực (- -)
Đều (- -) kính trọng lẫn (nhau)
27 - (- -) Cho (hay)
Hiếu (- -) đạo làm (đầu)
28 - Dẫu mưa (nắng) dãi dầu (- -)
Cũng không (hề) trách móc thở (than)
29 - Thảo (ngay) cảm động trời (cao)
Khiến (cho) công thành danh (toại)
30 - Đời vui (- -) mở hội (- -)
Muôn (lời) bá tánh ngợi (khen)
31 - (- -) Ngu (Thuấn)
Vì (hiếu) ăn ở thảo (ngay)
32 - Được cho (- -) trị vì (- -)
Trăm họ (đều) được yên (vui)

14.- THỦ PHÚ LỤC CHẤN
Cắn tay mẹ đau lòng con

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) (Đời)
Châu (- -) mạt có bậc hiếu (nhân)
2 - Tăng Tử thờ (mẹ) kính cha (- -)
Giữ (- -) trọn đạo chí (thành)
3 - (- -) Nghèo (khổ)
Thường (đi) mót củi trên (non)
4 - Quản chi cực (khổ) gian nan (- -)
Nhưng thường (lo) cha mẹ đầy (đủ)
5 - (- -) Bữa (cơm)
Rượu (- -) thịt ngon (lành)
6 - Phần ăn (dư) để dành (- -)
Vâng lời (- -) cha mẹ đem (cho)
7 - Không (- -) chút đắn (đo)
Hể bảo (sao) ông đều làm (vậy)
8 - Không (hề) sai chạy (- -)
Một (lòng) bổn phận làm (con)
9 - (- -) Ngày (kia)
Ông (- -) xách giỏ lên (đàng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

10 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
	Xê Xang	(- -)	Hò Xự	(XANG)
11 -		(- -)	Xang	(XÊ)
	Xể Xê	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
12 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Xế Xáng	(Ú)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
13 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang	(- -)	Xê Líu	(XỰ)
14 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
	Líu Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
15 -	Tồn	(XÊ)	Xê Hò Líu	(CỐNG)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
16 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xang	(- -)
	Líu Hò	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
17 -		(- -)	Xừ	(CỘNG)
	Xừ	(- -)	Cộng Xừ	(LIU)
18 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(- -)
	Ú Xáng	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XỀ)
19 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang	(- -)	Xê Líu	(XỰ)
20 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
21 -	Tồn	(XANG)	Xang Tồn	(XÊ)
	Cống Líu	(- -)	Xê Xang Líu	(XỰ)
22 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
	Líu Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
23 -	Tồn	(XÊ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
24 -	Xang Xê	(CỐNG)	Xê Xang	(- -)
	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
25 -		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xê Xang	(- -)	Hò Xang	(XỰ)
26 -	Xang Hò	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Xê Xang	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
27 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(XÊ)
28 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Xang Xê	(- -)	Xang Cống Xê	(XANG)
29 -	Tồn	(XANG)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

10 - Vượt (suối) băng ngàn (- -)
Kiếm củi (- -) về phụng dưỡng song (thân)
11 - (- -) Nhà (tranh)
Trông con (- -) đau lòng (mẹ)
12 - Non cao (- -) biết đặng (- -)
Khách (đến) mong con mau (về)
13 - (- -) Nhân (khi)
Có (- -) khách đến (nhà)
14 - Hoặc khi (- -) bối rối (- -)
Cơn túng (hụt) khó trở (xoay)
15 - Rừng (- -) sâu núi (thẳm)
Làm sao (- -) kiếm tìm (con)
16 - Con (ở) trên non (- -)
Hay ở (tại) rừng sâu (- -)
17 - (- -) Bà (mẹ)
Có (- -) cách lạ (thay)
18 - Đưa lên (miệng) cắn ngón tay (- -)
Cắn (cho) đau thấu trong (lòng)
19 - (- -) Trên (non)
Bỗng (- -) chốc bồn (chồn)
20 - Khúc (ruột) quặn (đau)
Lòng con (- -) trẻ không (yên)
21 - Mẹ (cha) ở nhà có (sao)
Ta (phải) kíp mau (về)
22 - Ba (chơn) bốn cẳng (- -)
Dẫu mệt (nhiều) cũng vẫn về (ngay)
23 - Tới (nơi) ông quỳ dưới (gối)
Trình (- -) bẩm với mẫu (thân)
24 - Rằng có (chuyện) chi không (- -)
Con lo (lắng) lắm thay (- -)
25 - (- -) Mẹ (già)
Nghe qua (- -) lời trẻ (dại)
26 - Khép nép (mình) thưa lại (- -)
Cùng (bụng) dạ âu (lo)
27 - (- -) Bên (tai)
Nghe (- -) lời mẫu (thân)
28 - Bày tỏ (hết) nguồn cơn (- -)
Trong lòng (ông) mới hết lo (âu)
29 - (Cho) hay hiếu (từ)
Mẹ (từ) con hiếu tương (quan)

Digitized by www.namkyluctinh.org

30 -	Xang Cống	(- -)	Xê Xang	(- -)
	Xang Xể	(XÊ)	Tồn Xê Xang	(HÒ)
31 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
	Ú Liu	(- -)	Tồn Cộng Líu	(XÊ)
32 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Tồn	(LIU)
33 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
	Liu Liu	(- -)	Cộng Liu	(Ú)
34 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(Ú)	Xáng Tồn	(LIU)

15.- THỦ BÌNH BÁN CHẤN

(44 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang	(- -)	Xảng Xang	(HÒ)
2 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
3 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
4 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Líu Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
5 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Tồn	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
6 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Líu	(XỰ)
7 -		(- -)	Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
8 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Liu Lỉu	(LIU)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
9 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Lỉu	(- -)	Líu Liu	(CỘNG)
10 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Líu Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
11 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Cống	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
12 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xê Líu	(CỐNG)
13 -		(- -)	Xê	(XÀNG)
	Xế Xê	(XÀNG)	Xề Cộng	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

30 - Nên (khi) nhớ con (- -)
Cắn ngón (tay) cảm động con (mình)
31 - (- -) Vì (vậy)
Quả núi (đồng) khi sụp lỡ (ra)
32 - Tiếng chuông (cũng) kém ngân nga (- -)
Lòng hiếu (thảo) dạ từ (tâm)
33 - (- -) Thầy Tăng (Tử)
(Nêu) sáng tấm (gương)
34 - (Phận) làm con (- -)
Phải (hiếu) thảo vi (tiên)

15.- THỦ BÌNH BÁN CHẤN
Hưng Đạo Đại Vương

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) Dở (trang)
Sử (- -) Việt đời (Trần)
2 - Có (vị) anh hùng (- -)
Hai phen (- -) đuổi quân xâm (lược)
3 - (- -) Quân (giặc)
Nhà (Nguyên) thái tử Thoát (Hoan)
4 - Kéo năm (trăm) ngàn quân sang (- -)
Ý (định) xâm lấn nước (ta)
5 - (- -) Hưng Đạo (Vương)
Được vua (- -) Trần Nhơn (Tôn)
6 - Phong chức Tiết (Chế) Quốc Công (- -)
Lãnh ba (quân) đi chống (giặc)
7 - (- -) Thế (giặc)
Đang mạnh (- -) ta mất ải Kha (Li)
8 - Mất luôn Lộc (Châu) Chi Lăng (- -)
Thế giặc (đương) dũng mảnh hung hăng)
9 - (- -) Quân (ta)
Phải rút (- -) quân né (giặc)
10 - Nhơn Tôn châu (mày) ủ mặt (- -)
Bàn (định) phải hàng đầu (ngay)
11 - (- -) Hàng (Nguyên)
Để (- -) được yên trăm (họ)
12 - Sức (ta) khó đọ (- -)
Hưng Đạo (liền) tâu bày khẳng (khái)
13 - (- -) Đầu (hàng)
Hãy chém (đầu) thần trước (tiên)

Digitized by www.namkyluctinh.org

14 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cống	(- -)
	Liu Liu	(Ú)	Xáng Tồn	(LIU)
15 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
16 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Hò Là	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
17 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Tồn	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
18 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Líu	(XỰ)
19 -		(- -)	Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
20 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Cộng Cộng	(XỀ)	Cộng Tồn	(LIU)
21 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XÀNG)
22 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Xang Xang	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
23 -		(- -)	Xang	(XÊ)
	Xê	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
24 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Liu Lỉu	(LIU)	Liu Cộng Liu	(XỀ)
25 -		(- -)	Tồn	(XỀ)
	Xề Tồn	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
26 -	Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Liu	(- -)
	Ú Ú	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XỀ)
27 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
28 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
29 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang Xê	(- -)	Xang Líu	(XỰ)
30 -	Xang Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xê Líu	(CỐNG)
31 -		(- -)	Xê	(XÀNG)
	Xàng	(- -)	Xàng Xề Liu	(CỘNG)
32 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Liu Liu	(Ú)	XángLiu	(- -)
33 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Hò Là	(- -)	Hò Xự	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

14 - Vua (- -) nghe được (- -)
Trong dạ (- -) mới được (yên)
15 - (- -) Quân (thù)
(Tràn) ngập Thăng (Long)
16 - Quân ta (- -) thảm bại (- -)
Đành rước Thái (Thượng) Hoàng cùng với (vua)
17 - (- -) Kế dài (lâu)
Thanh Hóa (- -) lập chiến (khu)
18 - Rèn (luyện) binh nhu (- -)
Phản công (khi) đao thương thuần (thục)
19 - (- -) Trận thắng (đầu)
Là trận (- -) Hàm Tử (Quan)
20 - Chương Dương (Độ) vẻ vang (- -)
Trước khi (về) kinh thành Thăng (Long)
21 - (- -) Toa (Đô)
Tướng (- -) giặc bay (đầu)
22 - Thoát Hoan (- -) kinh hoàng (- -)
Chui vô (- -) ống đồng thoát (thân)
23 - (- -) Lần thứ (hai)
Vào mùa thu (- -) năm Đinh (Hợi)
24 - Thoát Hoan (sang) phục hận (- -)
Ba trăm ngàn (quân) tướng cọp binh (rồng)
25 - (- -) Vua (Trần)
Cử (- -) Hưng Đao (Vương)
26 - Thống (lãnh) ba quân (- -)
Ra (ngăn) chặn giặc (thù)
27 - (- -) Dùng (mưu)
Nhử cho (- -) địch vào sâu bên (trong)
28 - Khi ngăn (giặc) tại Thăng Long (- -)
Và Trần Khánh (Dư) thắng trận Vân (Đồn)
29 - (- -) Hưng Đạo (Vương)
Biết quân Nguyên (- -) phải rút (chạy)
30 - Ông cho (quân) mai phục (- -)
Tại Bạch (- -) Đằng Giang lịch (sử)
31 - (- -) Ngô (Quyền)
Ngày nào (- -) chôn xác (giặc)
32 - Một (- -) bài học (- -)
Ông lặp (lại) thắng to (- -)
33 - (- -) Chiến (thuyền)
Được (nhiều) trên bốn (trăm)

Digitized by www.namkyluctinh.org

34 -	Tồn Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Xang Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
35 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(HÒ)
36 -	Tồn Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
37 -		(- -)	Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
38 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Hò Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
39 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Lỉu	(- -)	Ú Liu	(XÀNG)
40 -	Tồn Liu	(- -)	Liu Xàng	(- -)
	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)
41 -		(- -)	Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
42 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
43 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
44 -	Tồn Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Xang Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)

16.- THỦ CỔ BẢN TRƯỜNG

(68 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Líu	(XỰ)
2 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê Xang	(XANG)
3 -	Tồn	(XANG)	Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
4 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê Hò	(XÊ)
	Cống Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỐNG)
5 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
6 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
7 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Ú	(- -)	Ú Liu	(Ú)

Digitized by www.namkyluctinh.org

34 - Tù binh (- -) mấy vạn (- -)
Thoát Hoan (- -) bỏ trốn về (Tàu)
35 - (- -) Hưng Đạo (Vương)
Liệt oanh (- -) đuổi giặc hai (lần)
36 - Giặc Nguyên vỡ (mộng) xâm loàn (- -)
Đem thanh (bình) cho quê (hương)
37 - (- -) (Ngoài)
Võ công (giành) độc lập cho non (sông)
38 - Ông lại (có) kỳ công (- -)
Ghi lại (cách) dụng binh (- -)
39 - (- -) Binh (gia)
Diệu Lý (- -) Yếu Lược tương (truyền)
40 - Dụng binh (- -) như thần (- -)
Trăm trận (đánh) thảy đều thắng (luôn)
41 - (- -) Ông còn sưu (tập)
Binh pháp (- -) của người (xưa)
42 - Chép (thành) cuốn binh thơ (- -)
Gọi là Vạn Kiếp (- -) Binh Thơ để (lại)
43 - (- -) Tiếc (rằng)
Hai quyển (này) nay chẳng thấy (đâu)
44 - May thay (- -) dân tộc Việt (- -)
Sẵn có (- -) truyền thống anh (hùng)

16.- THỦ CỔ BẢN TRƯỜNG
Ông Trương Công Định

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) Miền (nam)
Nước Việt (Nam) có ông Trương (Định)
2 - Khi Pháp (quân) xâm lược (- -)
Ông nổi (- -) lên kháng (Tây)
3 - Chức Quản (Cơ) nơi Gia Định (Thành)
Cũng là (lúc) giặc Pháp hung (hăng)
4 - Gây (cảnh) chiến tranh (- -)
Chúng tấn (công) đồn Kỳ Hòa dũng (mãnh)
5 - (- -) (Nhưng)
Ông (- -) vẫn đấu tranh oanh (liệt)
6 - Hăng say (- -) cuồng nhiệt (- -)
Ông (lập) được chiến công (to)
7 - (- -) (Ông)
Được phong (- -) chức Lãnh Binh An (Giang)

Digitized by www.namkyluctinh.org

8 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
9 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Xế Xang	(- -)	Hò Xự	(XANG)
10 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Hò Là	(- -)	Xự Xang	(HÒ)
11 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	Xế Xang	(- -)	Hò Xự	(XANG)
12 -	Xang Hò	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
13 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Xế Xang	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)
14 -	Tồn	(Ú)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Xể Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỐNG)
15 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
16 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
17 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Líu	(XỰ)
18 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
19 -	Tồn	(XANG)	Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
20 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê Hò	(XÊ)
	Cống Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỐNG)
21 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
22 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
23 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Ú	(- -)	Ú Liu	(Ú)
24 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
25 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Xê Xang	(- -)	Hò Xự	(XANG)
26 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Hò Là	(- -)	Xự Xang	(HÒ)
27 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	Xê Xang	(- -)	Hò Xự	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

8 - Nhưng chối (từ) lịnh vua ban (- -)
Không (chịu) cầu an (- -)
9 - (- -) Đêm (ngày)
Khổ vui (- -) cùng ba (quân)
10 - Đi (- -) chống giặc (- -)
Đó là (- -) bổn phận của dân (mình)
11 - Ngoại (bang) xâm lược thình (lình)
Không thể (nhìn) cảnh nước mất nhà (tan)
12 - Chùa Khải Tường (- -) mai phục (- -)
Ông đem (về) chiến công oanh (liệt)
13 - (- -) Cầm (đầu)
Pháp quân (- -) đại úy Bạc Bê bị (giết)
14 - Khi ông (Nguyễn) Tri Phương thất (trận)
Đồn Kỳ (Hòa) về tay quân (Pháp)
15 - (- -) Ông rút (quân)
Về đất (- -) Gò Công xây (dựng)
16 - Chiến (khu) chống giặc (- -)
Chiêu mộ (- -) được nhiều nghĩa (quân)
17 - (- -) (Khi)
Nghĩa (quân) đội ngũ chỉnh (tề)
18 - Là lúc sanh (tử) chẳng nề (- -)
Ông mở (- -) hằng loạt cuộc tấn (công)
19 - Sớm tinh (sương) ông mai (phục)
Kẻ thù (- -) tại Gò (Công)
20 - Tối (lại) quân ông (- -)
Công đồn (Tây) miệt Tân An Cầu (Nổi)
21 - (- -) Nhưng Pháp (quân)
Võ khí tối (tân) và nhiều đạn (dược)
22 - Triều đình (lại) nhu nhược (- -)
Nên ký (hòa) ước cùng (Tây)
23 - (- -) (Ông)
Được đổi (- -) trấn nhậm Phú (Yên)
24 - Vì thương (nước) mến dân (- -)
Ông quyết ở (lại) Miền Nam (- -)
25 - (- -) Khi (nào)
Pháp quân (- -) mà chiếm đoạt quê (hương)
26 - Dầu cho (một) khoảnh ruộng (- -)
Cũng là (- -) sự tủi nhục vô (cùng)
27 - Không chỉ (- -) riêng cho (mình)
Mà cho (- -) cả dân tộc Rồng (Tiên)

Digitized by www.namkyluctinh.org

28 -	Xang Hò	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
29 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Xê Xang	(- -)	Xê Líu	(CỐNG)
30 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
	Xể Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỐNG)
31 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
32 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
33 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang Xể	(- -)	Xể Xê	(XANG)
34 -	Xáng Xáng	(TỒN)	Liu	(- -)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
35 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Ủ Ú	(- -)	Ú Liu	(Ú)
36 -	Ủ Ú	(- -)	Liu Phạn	(- -)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
37 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
38 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Xế Xáng	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
39 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
40 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Xê Xang	(XỪ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
41 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(- -)	Xang Cống Líu	(XÊ)
42 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
43 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
44 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
45 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang	(- -)	Xê Xang	(HÒ)
46 -	Tồn Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
47 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang	(- -)	Xê Líu	(XỰ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

28 - Pháp cho người (- -) khuyến dụ (- -)
Ông không (thèm) quan to thịt (rượu)
29 - (- -) Dưới (cờ)
Bình Tây (- -) Đại Nguyên (Soái)
30 - Ông chống (Tây) thêm oanh (liệt)
Dân đồng (lòng) khắp Nam Kỳ Lục (Tỉnh)
31 - (- -) Binh (ông)
Đã gây (- -) nhiều thiệt (hại)
32 - Rạch Tra Thuộc (Nhiêu) Pháp thảm bại (- -)
Tướng Bô Na (đem) toàn lực xuống Gò (Công)
33 - (- -) Bị (vây)
Bốn (- -) mặt chiến (khu)
34 - Ông bỏ (làng) Bình Xuân (- -)
Nhưng lại phá (khuấy) khắp Gò Công (- -)
35 - (- -) Giặc (Tây)
Không biết (- -) đâu là chiến (khu)
36 - Sáng đi (- -) tối lại (- -)
Giặc đã (cạn) kế mưu (- -)
37 - (- -) Nhưng (sau)
Tên Huỳnh (Công) Tấn một bộ (thuộc)
38 - Đã nhận (tiền) mua chuộc (- -)
Ông đem (ra) xử đúng theo (luật)
39 - (- -) Rắp (tâm)
Đi (- -) đầu quân (giặc)
40 - Nhân khi tuần (tra) nghiêm nhặt (- -)
Tấn lẻn (về) đầu hàng bọn (Tây)
41 - (- -) Thù (ông)
Tên (- -) Tấn quyết lập (công)
42 - Thù nầy (quyết) trả xong (- -)
Đêm ngày (tìm) kiếm ông (- -)
43 - (- -) (Tên)
Tấn làm tay (sai) dẫn đường cho (giặc)
44 - Bình Xuân bị (vây) bốn mặt (- -)
Nhưng tên Tấn (- -) bị ông bắn trọng (thương)
45 - (- -) Đã (tin)
Tên Tấn (- -) và ông có (thù)
46 - Bấy lâu giúp (Pháp) diệt trừ (- -)
Công (trạng) rất to (- -)
47 - (- -) Giặc (cho)
Tấn chỉ (huy) các tên phản (bội)

Digitized by www.namkyluctinh.org

48 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Xang Líu	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
49 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
50 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
51 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
52 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
53 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
54 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Xang Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
55 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỀ)
	Ú Xáng	(XỀ)	Ú Phạn Lỉu	(LIU)
56 -	Xang Xê	(- -)	Liu Xề	(- -)
	Lỉu Liu	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)
57 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
58 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Líu Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
59 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
60 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
61 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(HÒ)
62 -	Tồn Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
63 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang	(- -)	Xê Líu	(XỰ)
64 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Xang Líu	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
65 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
66 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)
67 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

48 - Thành (hàng) thành đội (- -)
Đi săn (lùng) dấu vết của (ông)
49 - (- -) Khi (ông)
Cùng đi (- -) với ba mươi nghĩa (quân)
50 - Rời Kiểng (Phước) Bình Xuân (- -)
Về Gia (Thuận) quan sát Tây (- -)
51 - (- -) Được (tin)
Ông (- -) về Gia (Thuận)
52 - Tên Tấn xin tàu (Tây) tiếp viện (- -)
Rồi phục (binh) tại Đám Lá Tối (Trời)
53 - (- -) (Trời)
Mờ (mờ) sáng sớm tinh (sương)
54 - Quân (- -) Tấn tràn vào (- -)
Quyết (- -) bao vây tấn (công)
55 - Đường (máu) quyết mở (đường)
Một (mình) hữu đột tả (xông)
56 - Vòng vây (mở) rộng lần (- -)
Cũng là lúc (tàu) Tây tấn công (- -)
57 - (- -) Tàu (Tây)
Xả súng (- -) bắn rầm (trời)
58 - Chẳng kể (mạng) con người (- -)
Không phân (biệt) thù bạn là (ai)
59 - (- -) Thương (thay)
Cho vị (- -) anh hùng dân (tộc)
60 - Hy sinh (- -) vì đại cuộc (- -)
Thọ (- -) bốn mươi bốn tuổi (xuân)
61 - (- -) Thi thể (ông)
Được (- -) quân ông đem (về)
62 - Người hầu ông (lo) mọi bề (- -)
Chôn cất (tại) Gò Công (- -)
63 - (- -) Bia (ghi)
Đại Nam Phấn (Dũng) Đại Tướng Quân truy (tặng)
64 - Ngũ Quân Gò (Công) Trương Công Định (- -)
Anh (hùng) an giấc thiên (thu)
65 - (- -) (Sơn)
Hà (- -) chánh khí đã (thâu)
66 - Nhựt Nguyệt (chiếu) làu làu (- -)
Một (tấm) lòng son (- -)
67 - (- -) (Trương)
Khí (- -) quật (cường)

Digitized by www.namkyluctinh.org

68 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)

17.- THỦ XUÂN TÌNH CHẤN

(48 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Líu Líu	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
2 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
3 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Tồn	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
4 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
5 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang	(- -)	Xê Líu	(XỰ)
6 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xê Líu	(CỐNG)
7 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
8 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
9 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
10 -	Hò Là	(- -)	Xự Xang	(HÒ)
	Hò Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
11 -	Xê	(XANG)	Xang Hò Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(HÒ)
12 -	Hò Xự	(- -)	Xang Hò	(- -)
	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
13 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Líu Líu	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
14 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê Hò	(XÊ)
	Líu Líu	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
15 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Tồn	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
16 -	Tồn Cống	(- -)	Líu Xê	(- -)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Líu	(XỰ)
17 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang	(- -)	Xê Líu	(XỰ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

68 - Võ nghệ (- -) khôn lường (- -)
Chói (lọi) khắp cõi trời (Nam).

17.- THỦ XUÂN TÌNH CHẤN
Anh hùng Lý Thường Kiệt

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) Danh (tướng)
Đời Hậu Lý (- -) ở huyện Thọ (Xương)
2 - Ông Lý Thường (Kiệt) đởm đương (- -)
Làu thông (- -) binh pháp lược (thao)
3 - (- -) (Nam)
Ông (- -) đi bình (Chiêm)
4 - Bắc phạt Châu (Khâm) Châu Liêm (- -)
Là đất đai (- -) của Tống (trào)
5 - (- -) Mộng xâm (lăng)
Tống (quân) muốn chiếm (đoạt)
6 - Giang sơn (- -) nước Việt (- -)
Ông (liền) vi cường tiên hạ (thủ)
7 - (- -) (Ông)
Đem (- -) quân Bắc (phạt)
8 - Cùng tướng (tài) Tôn Đản (- -)
Tấn công (- -) tỉnh Quảng (Đông)
9 - (- -) Châu (Khâm)
Châu (Liêm) và Châu Ung chiếm (được)
10 - Giết hại hơn (- -) mười vạn (người)
Bắt quân Tàu (- -) và đồ vật (- -)
11 - Rút về (bên) phần đất (Việt)
Để dằng (mặt) cái mộng xâm (loàn)
12 - Như vậy (- -) chúng vẫn còn (- -)
Tống (trào) lại xâm lăng (- -)
13 - (- -) Sai chín (tướng)
Sang qua (- -) để hội (binh)
14 - Nước Chân (Lạp) cùng nước Chiêm (- -)
Liên thủ (- -) đánh phá liên (miên)
15 - (- -) (Ông)
Đem quân (- -) đi chống (ngăn)
16 - Giặc thế (- -) hung hăng (- -)
Sợ (quân) dân ta nản (lòng)
17 - (- -) (Ông)
Bèn đặt (- -) ra câu (chuyện)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Là Là	(HÒ)	Xê Líu	(CỐNG)
19 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
20 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
21 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
22 -	Hò Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Hò Là	(- -)	Xự Xang	(HÒ)
23 -	Xê	(XANG)	Xang Hò Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(HÒ)
24 -	Hò Xự	(- -)	Xang Hò	(- -)
	Xư Xự Hò	(PHAN)	Xang Hò	(- -)
25 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
26 -	Xang Xê	(- -)	Líu Xự	(- -)
	Xang Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
27 -		(- -)	Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
28 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
29 -		(- -)	La	(XỀ)
	La La	(XỀ)	Xế Phạn La	(HO)
30 -	Xang Xê	(- -)	Liu Xề	(- -)
	Liu Liu	(XỀ)	Xế Phạn Liu	(HO)
31 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XÀNG)
32 -	Xàng Liu	(- -)	Liu Xàng	(- -)
	Liu Liu	(TỒN)	Tồn Liu Liu	(CỘNG)
33 -	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(U)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
34 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
35 -	Tồn	(XỰ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Hò	(XỰ)
36 -	Hò	(XỰ)	Xang Xự Hò	(CỐNG)
	Xang Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
37 -	Líu	(HÒ)	Hò Líu	(CỐNG)
	Hò Hò	(- -)	Cống Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18 - Có thần nhơn (- -) xuất hiện (- -)
Đã (đề) thơ quả (quyết)
19 - (- -) Nước (Nam)
Do vua (- -) Nam cư (ngụ)
20 - Sách (trời) định sẵn (- -)
Ai xâm (lấn) sẽ bại (hư)
21 - (- -) Nhờ bài (thơ)
Ba quân (- -) thêm vững (dạ)
22 - Đánh nhau (- -) cầm cự (- -)
Thắng bại (- -) không phân bên (nào)
23 - Đánh (lâu) Lý triều lo (ngại)
Quân ta (- -) đánh không lại quân (Tàu)
24 - Tránh voi bự (- -) xấu mặt nào (- -)
Thôi cầu (hòa) được yên (- -)
25 - (- -) Quân (Tàu)
Mỏi (mòn) vì chiến (tranh)
26 - Nghe qua (- -) ưng thuận (- -)
Truyền tướng (- -) sĩ rút (binh)
27- (- -) Nước Chiêm (Thành)
Hay (thường) kéo quân (qua)
28 - Quấy (nhiễu) nước ta (- -)
Quân (ta) không sao đánh (dẹp)
29 - (- -) Giặc (Tàu)
Còn (- -) sợ oai (danh)
30 - Huống chi (- -) Chiêm Thành (- -)
Có Lý (- -) Thường Kiệt là (xong)
31 - (- -) Năm Giáp (Thân)
Vua Nhơn (Tôn) cho họp trào (thần)
32 - Cử ông đi (đánh) Chiêm Thành (- -)
Để đòi (về) ba châu bị (đoạt)
33 - Bây (giờ) đã ngoài bảy (mươi)
Nhưng (ông) vẫn còn tráng (kiện)
34 - Cầm (quân) ra trận (- -)
(Đánh) đuổi quân (Chiêm)
35 - Chiêm (Thành) Chế Ma Na thua (chạy)
Xin trả (- -) ba châu (lại)
36 - Mỗi năm (lại) đem lễ vật sang (cống)
Từ đây (- -) chấm dứt can (qua)
37 - Tháng (ngày) thấm (thoát)
Từ khi (- -) bình định Chiêm (bang)

Digitized by www.namkyluctinh.org

38 -	Xang Hò	(- -)	Hò Cống	(- -)
	Xang Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
39 -	Cống Xê	(- -)	Xang Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
40 -	Hò Xang	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Cộng Liu	(XỀ)	Cộng Tồn	(LIU)
41 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XÀNG)
42 -	Xàng Liu	(- -)	Liu Xàng	(- -)
	Liu Liu	(TỒN)	Liu Tồn	(CỘNG)
43 -	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(U)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
44 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
45 -	Tồn	(XANG)	Xang Xê Líu	(XỰ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Hò	(XỰ)
46 -	Hò	(XỰ)	Xang Xự Hò	(CỐNG)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
47 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê Liu	(XỀ)
	Liu Liu	(XỀ)	Ú Phạn Lỉu	(LIU)
48 -	Xang Xê	(- -)	Liu Xề	(- -)
	Ú Liu	(XỀ)	Ú Phạn Lỉu	(LIU)

18.- THỦ TÂY THI TRƯỜNG

(52 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu	(- -)	Lỉu Liu	(CỘNG)
2 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Liu Liu	(Ú)	Xáng Tồn	(LIU)
3 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang	(- -)	Xảng Xang	(XỰ)
4 -	Tồn	(XANG)	Xang Xự	(- -)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
5 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Liu Lỉu Liu	(- -)	Cộng Liu	(XỀ)
6 -	Tồn Cống	(- -)	Líu Xê	(- -)
	Líu Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
7 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xế Xê	(XANG)	Xang Xê Líu	(CỐNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

38 - Một (năm) sau đó (- -)
Ông (- -) đã qui (thiên)
39 - Chiến (công) ông chói (rạng)
Võ (- -) dõng hiên (ngang)
40 - Giữ cõi (bờ) vững an (- -)
Châu chấu (mà) lại đá (xe)
41 - (- -) Lần đầu (tiên)
Quân ta (- -) tiến đánh nước (Tàu)
42 - Nhờ Lý Thường (Kiệt) anh hào (- -)
Dân tộc (mình) được xem (trọng)
43 - Thiếu (thời) ham đọc binh (thơ)
Võ công (- -) chuyên cần tập (luyện)
44 - Khi quân (Tàu) kiếm chuyện (- -)
Toan (- -) xâm lấn nước (ta)
45 - Thông (minh) đoán được ý (giặc)
Chủ động (- -) tấn công tự (vệ)
46 - Thắng (rồi) lại liền (rút)
Về giữ (- -) đất nước (ta)
47 - Ngồi (yên) đợi giặc không (bằng)
Đem binh (hùng) ra tiền (phương)
48 - Bẽ gảy mũi (nhọn) xâm loàn (- -)
Cõi bờ (mình) mới được (an)

18.- THỦ TÂY THI TRƯỜNG
Bình Định Vương Lê Lợi

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) Đất Lam (Sơn)
Có (- -) ông Lê (Lợi)
2 - Làm nghề (nông) mấy đời (- -)
Giàu (có) nhưng lại từ (tâm)
3 - (- -) Thường (khi)
Hay (- -) giúp người nghèo (cực)
4 - Dân (làng) kính phục (- -)
Nhà nuôi (- -) tôi tớ cả (ngàn)
5 - (- -) Còn (nhỏ)
Sống trong (- -) gông ách phủ (phàng)
6 - Của (lũ) giặc Minh (- -)
Xâm (- -) lăng thống (trị)
7 - (- -) Tuy (ông)
Giòng (- -) dõi nhà hào (trưởng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

8 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
9 -		(- -)	Tồn	(XANG)
	Ú Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
10 -	Tồn	(XANG)	Cống Xê Xang	(HÒ)
	Xê Xang	(XỰ)	Tồn Xang	(- -)
11 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang Xảng	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
12 -	Tồn Xang	(- -)	Xang Xự	(- -)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(XỀ)
13 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Liu Ú Liu	(- -)	Cộng Liu	(XỀ)
14 -	Tồn Cống	(- -)	Líu Xê	(- -)
	Líu Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
15 -		(- -)	Xế	(XANG)
	Xế Xê	(XANG)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
16 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Cống	(- -)
	Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
17 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Ú Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
18 -	Tồn	(XANG)	Cống Xê Xang	(HÒ)
	Xê Xang	(XỰ)	Tồn Xang	(- -)
19 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
20 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
21 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(Ú)
22 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
23 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
24 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
25 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
26 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Xế Xáng	(Ú)	Xáng Liu	(- -)
27 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

8 - Nhưng nuôi (trong) tâm tưởng (- -)
Một (- -) chí lớn quật (cường)
9 - (- -) Sĩ (phu)
Không ai (- -) có thể ngồi (yên)
10 - Nhìn (xem) dân tộc chết (dần)
Để mình (được) giàu sang (- -)
11 - (- -) Lớn (lên)
Ông (- -) giao du kết (bạn)
12 - Những bực hùng (anh) lỗi lạc (- -)
Nghiên cứu (- -) binh thơ trận (đồ)
13 - (- -) Nuôi (chí)
Cứu dân (- -) cứu nước sau (nầy)
14 - Ứng dụng (cái) sở năng (- -)
Đánh bọn xâm (lăng) không còn manh (giáp)
15 - (- -) Giặc (Minh)
Nghe (ông) là người danh (tiếng)
16 - Cho (người) đến viếng (- -)
Chiêu dụ ông (- -) theo giặc làm (quan)
17 - (- -) Từ (chối)
Theo (- -) giặc xâm (lăng)
18 - (Ông) thường nói (rằng)
Phải có (gì) với non sông (- -)
19 - (- -) Làm (trai)
Sanh ra (- -) trên cõi (đời)
20 - Phải (nên) nhớ lời (- -)
Lập công (trạng) cứu khổn phò (nguy)
21 - (- -) (Lưu)
Cho (- -) hậu thế tiếng (thơm)
22 - Làm tôi (tớ) ngoại nhơn (- -)
Để (- -) bị đời khinh (miệt)
23 - (- -) Từ (đó)
Ông chiêu (mộ) tướng sĩ ba (quân)
24 - Tại (đất) Lam Sơn (- -)
Để ngày (đêm) bàn mưu chống (giặc)
25 - (- -) Cuối năm Đinh (Dậu)
Đã (- -) đầy đủ binh (lương)
26 - Đến Mậu (Tuất) mùa xuân (- -)
Ông khởi (nghĩa) núi Lam Sơn (- -)
27 - (- -) (Ông)
Tự xưng (- -) Bình Định Vương Lê (Lợi)

Digitized by www.namkyluctinh.org

28 -	Liu Cộng	(- -)	Xê Xàng	(- -)
	Ú Liu	(PHAN)	Xáng Liu	(- -)
29 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xang Xê	(- -)	Xê Xang	(HÒ)
30 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
31 -		(- -)	Tồn	(CỘNG)
	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
32 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
	Là Hò	(XỰ)	Xang Cống Líu	(XÊ)
33 -		(- -)	Liu	(XÊ)
	Tồn	(- -)	Xề Cộng	(LIU)
34 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Liu	(- -)
35 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
36 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
37 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xang	(- -)	Cống Líu	(XÊ)
38 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
39 -		(- -)	Xê	(XANG)
	Xảng	(- -)	Xang Xang	(HÒ)
40 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
41 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
42 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
43 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(- -)	Xang Cống Xê	(XANG)
44 -	Tồn Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
45 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỰ)
46 -	Xang Xự	(- -)	Xang Xê	(- -)
	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
47 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
	Ú Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

28 - Truyền hịch (- -) xa gần (- -)
Kể tội (ác) nhà Minh (- -)
29 - (- -) Không tin nghĩa (quân)
Giải phóng (- -) được dân tộc (mình)
30 - Nên khoanh (tay) đứng nhìn (- -)
Nguyễn Trãi (- -) mới bày mưu sắp (đặt)
31 - (- -) Bí (mật)
Dùng mật (ong) viết lên lá (cây)
32 - Lê (Lợi) Vi Quân (- -)
(Nguyễn) Trãi Vi (Thần)
33 - (- -) Nghe (mùi)
Mật kiến (- -) ăn thủng lá (cây)
34 - Theo đường (viết) rất ngay (- -)
Hiện lên (chữ) lạ thay (- -)
35 - (- -) Dân (tin)
Đây là do (- -) trời cao sắp (đặt)
36 - Cho Bình Định (Vương) đuổi giặc (- -)
Cởi bỏ (- -) xiềng xích xâm (lăng)
37 - (- -) Khởi (binh)
Dân chúng (- -) theo ngày một (đông)
38 - Đều (giúp) nghĩa quân (- -)
Trên (- -) khắp mặt (trận)
39 - (- -) Giặc (Minh)
Tướng (- -) mạnh binh (hùng)
40 - Ông thua (trận) đã bao lần (- -)
Đành rút (- -) về Chí (Linh)
41 - (- -) Đất Nghệ (An)
Bình Định (Vương) đã chiếm (được)
42 - Ông dùng (làm) bàn đạp (- -)
Để (- -) giải phóng quê (hương)
43 - (- -) Nhà (Minh)
Đã (- -) biết bao (phen)
44 - Viện cớ (đất) vua Trần (- -)
Nên không ân (cần) phong vương (- -)
45 - (- -) (Nhưng)
Bình Định (- -) Vương Lê (Lợi)
46 - Có Nguyễn (Trãi) tài ba (- -)
Đã giữ (an) ngôi vua (- -)
47 - (- -) Bất đắc (dĩ)
Nhà Minh (- -) phải phong (vương)

Digitized by www.namkyluctinh.org

48 -	Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
	Xể Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỐNG)
49 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
50 -	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
51 -		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xê	(- -)	Xang Cống Xê	(XANG)
52 -	Tồn Cộng	(- -)	Liu Xề	(- -)
	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Liu	(- -)

❄❄❄

Digitized by www.namkyluctinh.org

48 - Lệ ba (năm) phải đem (- -)
Đại (Thân) Kim Nhân sang (cống)
49 - (- -) Để thế (cho)
Tướng Lương (Minh) Liễu Thăng chết (trận)
50 - Gọi (là) đền mạng (- -)
Thật ra bòn (rút) vàng bạc của (ta)
51 - (- -) Bình Định (Vương)
Xây (- -) đắp giang (sơn)
52 - Vững mạnh (- -) hùng cường (- -)
Thanh bình độc (lập) quê hương (- -).

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Phần Phụ Lục

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

1.-KIM TIỀN HUẾ

Xuân nghĩa tình

*Soạn lời : Nhị Tấn.*21/1/1994

1 - Báo tin (xuân) mai đào nở (hoa)
2 - Khoe sắc (hương) tô điểm muôn (nhà)
3 - Tết Nguyên (Đán) cổ truyền Việt (Nam)
4 - Bản sắc quê (hương). Xuân thanh (bình)
5 - Xuân dân (tộc), xuân nghĩa (tình)
6 - Truyền thống vốn (có) ông bà ta (xưa)
7 - Truyền lại cháu (con). Vui (xuân)
8 - Không quên ơn (trọng) bao người ngày (đêm)
9 - Gìn giữ biên (cương). Công (nhân)
10 - Nổ lực khẩn (trương), nông (dân)
11 - Dãi nắng dầm (sương) tăng ca tăng (vụ)
12 - Vì tình ruột (thịt) nguyện hiến (dâng)
13 - Tuổi xuân thơ (mộng) cho đời thêm (đẹp).

2.- CỬU KHÚC GIANG NAM

Mộ chiến sĩ vô danh

Biên soạn : Nhị Tấn.15/5/1987
(Phỏng thơ Nguyễn Đức Mậu)

1 - (- -) (- -)
(- -) Tấm (bia)
(- -) (- -)
Trắng (- -) không đề họ (tên)
2 - (Không) năm sanh (- -)
Không để dấu ấp (thôn) (- -)
(Như) tất (cả)
Cuộn (- -) thành tiếng (nổ)
3 - (- -) (- -)
(- -) Tiếng (nổ)
Ném (vào) ụ xe tăng (- -)
Ném (- -) vào hầm (ngầm)
4 - (Lòng) đất sâu (- -)
Như tất cả gởi (thầm) (- -)
Tôi lặng (nhìn) đồi (“A1”)
Thấy hình (anh) (- -)
5 - (- -) (- -)
(- -) Trời Điện (Biên)
Cao (xanh) ơi (- -)
Xanh thẳm (- -) một màu (xanh)
6 - Vòm (mây) trắng (- -)
Viết lên cuộc đời (anh) (- -)
(Anh) nằm (đây)
Không hào (quang) không dáng (tượng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

7 - (- -) (- -)
(- -) (Cánh)
(Chim) bay (- -)
Bay về (- -) tận cùng chốn xa (xôi)

8 - Có (thể) tuổi đời (- -)
Hai mươi hoặc ba (mươi) (- -)
Trái (tim) trẻ (trung)
Ngực (- -) đất nối (vào)

9 - (- -) (- -)
(- -) Quê (nhà)
Có thể người (vợ) xa chồng (- -)
Hóa đá chờ mong (- -) buổi trùng (phùng)

10 - (Đã) bao năm (- -)
Hoa nở trắng (rừng) (- -)
(Một) phần hoa (nở)
Cho người (- -) ngã xuống năm (xưa)

11 - Đất Điện (Biên) ngợp lúa (- -)
Ngợp nắng (vàng) (- -)
Tên (anh) chính (là)
Những (- -) bông lúa (thơm)

12 - Tôi hiểu (thế) nhưng không (- -)
Nhìn rõ được (anh) (- -)
(Giọt) máu anh thấm (vào)
Sông núi (- -) của mình (đây)

13 - (- -) (- -)
(- -) Vòm (trời)
Của anh (- -) lợp bằng cỏ (xanh)
Cuộc đời vô (danh) nấm đất chẳng nhiều (lời)

14 - (- -) (- -)
(- -) Từ (bia)
Đá (- -) ngôi sao anh mọc (lên)
Không phải ngôi (sao) xa lạ của vòm (trời)

15 - Cái (khoảng) sáng (- -)
Lặng thầm không (tắt) (- -)
Đất (như) vừa chắn đạn (- -)
Che chở tôi (- -) nguyên vẹn hình (hài)

16 - Muốn (gọi) anh (- -)
Không gọi nên (lời) (- -)
Có những (người) mà ngày (chết)
Hóa ngày (sanh) (- -).

Digitized by www.namkyluctinh.org

3.- LIÊU GIANG

Nhớ Mẹ

Soạn lời : Nhị Tấn.22/4/1993

1 - (Trời) hoàng (hôn)
Gợi lòng (ta) nhớ đến mẫu (thân)
2 - Nghe xao xuyến (- -) trong lòng (- -)
Nơi quê nhà (mẹ) thấu chăng (- -)
3 - Hơn chín tháng (trường) phải cưu (mang)
Suốt đời (mẹ) lắm gian (nan)
4 - Nuôi (con) khôn lớn nên (người)
Mẹ chẳng (hề) thở than (- -)
5 - (- -) Công (lao)
Như (- -) biển rộng sông (sâu)
6 - Trải bao cảnh (- -) bể dâu (- -)
Mẹ nhìn con (- -) luôn nở nụ (cười)
7 - (- -) Đáp ơn (người)
Con quyết tâm (- -) tạo dựng cuộc (đời)
8 - Dẫu vật đổi (- -) sao dời (- -)
Con nguyện (thề) vươn lên (- -)
9 - (- -) Ánh trăng (ngà)
Liếp chuối xanh (- -) rặng tre (già)
10 - Lều tranh lam (khói) chiều tà (- -)
Con nhớ mẹ (- -) thiết tha (- -)
11 - (- -) Muôn tía ngàn (hồng)
Con luôn (- -) giữ vững một (lòng)
12 - Lời mẹ ru (bên) giấc nồng (- -)
Ơi đậm (đà) làn điệu quê (hương)
13 - (- -) Quê (hương)
Thời gian (- -) thế kỷ tang (thương)
14 - Ly cách (- -) đoạn trường (- -)
Lòng con (mãi) vấn vương (- -)
15 - Bước chân (đi) đông tây diệu (vợi)
Rừng (thiêng) non thẩm chập (chùng)
16 - Con (luôn) mong buổi tương (phùng)
Cho mẫu (tử) đoàn viên (- -).

4.- TIỂU KHÚC

Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực

Soạn lời : Nhị Tấn.24/3/1991

1 - (Ông) Nguyễn Trung (Trực)
Còn gọi (- -) Quản Lịch hay Quản (Cơ)
2 - (- -) Theo hịch Cần (vương)
Nổi lên (- -) chống lại giặc (thù)

Digitized by www.namkyluctinh.org

3 - (- -) Ngày (đêm)
Chiêu mộ (- -) từng lớp nông (dân)
4 - Võ khí thô (sơ) nhưng thừa gan (dạ)
Vùng Tân (An) giặc Tây khiếp (vía)
5 - Chức quản (cơ) trong binh (nghiệp)
Ông đã lập (nhiều) chiến công (- -)
6 - Pháo thuyền giặc (Pháp) hung hăng (- -)
Hỏa (hồng) Nhựt Tảo liệt (oanh)
7 - Đốt tàu (chiến) xâm lăng (- -)
Chiến công (to) được vua phong (chức)
8 - Thành Thú (Ủy) Hà Tiên ông trấn (nhậm)
Khi mất (luôn) ba tỉnh sau (cùng)
9 - Ông rút quân (về) Hòn Chông (- -)
Tổ chức nghĩa (quân) công đồn đánh (Tây)
10 - Tại Rạch (Giá) ông thắng (to)
Thâu đoạt (nhiều) võ khí tối (tân)
11 - Bọn tay (sai) Hữu Phương, Bá (Lộc)
Chỉ điểm (cho) giặc thù (- -)
12 - Kiên Giang (đành) thất thủ (- -)
Ông rút (quân) về núi (Trầu)
13 - Đánh (Tây) miệt Hà (Tiên)
Sau về Phú (Quốc) lập chiến (khu)
14 - Nơi Cửa Cạn (ông) dùng mưu (- -)
Huỳnh Công (Tấn) bị thua (luôn)
15 - Mới (đem) kế mưu hèn (hạ)
Chỉ đường vẽ (lối) cho bọn xâm (lăng)
16 - Bắt thân mẫu (ông) cùng dân chúng (- -)
Đem cầm (giam) để buộc ông qui (hàng)
17 - Nếu (không) tất cả đầu (rơi)
Nghĩa ruột (thịt) đồng bào thiêng (liêng)
18 - Ông đành giải (tán) nghĩa binh (- -)
Tự nạp (mình) cho Pháp (quân)
19 - Đổi lấy mạng (sống) cho dân (- -)
Chúng đem (ông) hành hình (- -)
20 - Ôi hùng (anh) lâm vận (mạt)
Theo nghiệp binh (đao) từ thuở thiếu (thời)
21 - Phong trần hăng (hái) tuốt gươm (- -)
Vì tình dân (tộc) gấm vóc giang (sơn)
22 - Quyết tâm rửa (hờn) cho muôn (dân)
Quét sạch (bọn) ngoại chủng xâm (lăng)
23 - Hỏa Hồng Nhựt (Tảo) Oanh Thiên (Địa)
Kiếm Bạt Kiên Giang (Khấp) Quỉ Thần (- -)
24 - Thân (trai) xứng đáng (- -)
Không hổ (danh) con cháu Lạc (Hồng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

25 - Khi qui (thiên) ông vẫn hiên (ngang)
Ung dung (ngâm) bài Tuyệt Mạng (Thơ)
26 - Lời khẳng khái của (vị) Quản Cơ (- -)
Thù xâm (lăng) chẳng đội trời (chung)
27 - Mẫu tử thiêng (liêng) dân côi xóm (làng)
Hùm thiêng (đành) phải chịu bó (tay)
28 - Anh hùng (- -) dẫu thác (- -)
Tiếng (thơm) vẫn để muôn (đời)
29 - Hùng (anh) buất khuất liệt (oanh)
Đã sáng (chói) trang sử (xanh)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Đờn Kìm và Dịch Học Đông Phương

Nguyễn Tấn Nhì

Đã từ lâu, Đờn Kìm còn có tên là Nguyệt Cầm, một nhạc cụ dân tộc, luôn-luôn được giao nhiệm vụ chỉ huy dàn nhạc, nhưng chưa thấy có sách vở nào đề cập đến nó một cách `chuyên sâu và khoa học. Hiện nay, nhạc cụ mang đậm nét quê hương mình có nguy cơ bị thất truyền vì có nhiều người không hiểu rõ tính năng và nét độc đáo của nó trong nền Âm nhạc ngũ cung đông phương, cho là một nhạc cụ nhà quê quá thô thiển, cần phải được cải tiến hoặc phải thay thế bằng một nhạc cụ khác dù là ngoại lai như đờn ghi ta, đờn sến, v.v...

Thật ra, sự cấu trúc của cây Đờn Kìm rất hoàn chỉnh về phương diện kỹ thuật, toán học, âm học cũng như tượng số học đông phương. Do đó, tôi xin nêu lên một vài suy nghĩ và sự hiểu biết của tôi về cây Đờn Kìm, hầu được đóng góp một phần tư liệu nhỏ trong việc bảo tồn và cải tiến nhạc cụ dân tộc.

I.- Về tên gọi :

Có rất nhiều ý kiến về cách gọi tên cây Đờn Kìm. Tôi xin nêu ra sau đây những ý kiến có thể trái với cách gọi thông thường, mục đích là để cho các bậc cao minh hơn nhận xét và kết luận, hầu nâng cao phần nhạc lý trong việc chế tác nhạc cụ cổ truyền Việt Nam.

a- Đờn Kìm, Nguyệt Cầm, Đờn Nguyệt

Từ xưa đến nay, cây Đờn Kìm được gọi tên là Đờn Kìm hoặc Nguyệt Cầm hoặc Đờn Nguyệt. Cố nhạc sĩ Nguyễn văn Thinh, một nhà sưu tầm nghiên cứu Nhạc Tài Tử Nam Bộ kể lại là có một số nhạc sĩ tiền bối trước kia cho rằng sở dĩ Nguyệt Cầm được gọi tên là Đờn Kìm vì các thầy đờn khi dạy học trò dù là dạy đờn tranh, đờn tỳ bà, hay đờn cò gì thì cũng lấy cây Đờn Kìm ra để đờn kèm cho học trò, và do cách phát âm, đọc trại chữ kèm thành kìm.

b- Đờn Cầm là Đờn Kìm

Một số học giả khác cho chữ kìm là do chữ cầm mà ra. Trong Xã Hội Nguyệt San số 6 xuất bản tháng 4 -1966, ông Thạc Nhân cho rằng Cầm là Nguyệt Cầm còn gọi là Đờn Kìm. Số tác giả của thuyết này còn dẫn chứng bằng khoa ngôn ngữ học với luật hoán chuyển của phát âm học thì chữ hán việt đọc ra chữ nôm : cầm thành kìm, cũng như càng, càn thành kiềng, kiền, cang thành cương, cảnh thành kiểng. v.v...

Nhóm này còn cho rằng đờn Diêu Cầm của vua Phục Hy được cải tiến thành Đờn Cầm và Đờn Cầm được nghệ nhân Việt Nam mô phỏng sáng chế ra Đờn Kìm, hợp thành những đôi nhạc cụ âm dương sắt cầm như tranh với kìm

Digitized by www.namkyluctinh.org

chẳng hạn, nên Đờn Cầm xưa và Đờn Kìm ngày nay của ta có cùng một tên gọi rất là hợp lý.

c- Phải gọi Đờn Kìm là Nhựt Cầm

Một nhóm khác trong đó có nhạc sĩ lão thành Hai Ngưu, tác giả quyển Cầm Ca Cải-Tiến, chủ-trương phải gọi Đờn Kìm với cái tên là Nhựt Cầm. Hình tròn tượng trưng cho mặt trời chớ không phải là mặt trăng, lý do Đờn Kìm cũng như Đờn Cầm xưa kia gắn dây tơ đặc chế cho phái nam, hòa với Đờn Sắt gắn dây đồng đặc chế cho phái nữ đàn. Hai nhạc cụ âm dương hòa nhau sắt cầm mới hảo hiệp. Đờn Đoản là một nhạc cụ nước ngoài được du nhập vào dàn nhạc ta, đã có tên là Tứ Huyền Cầm (đờn tứ) không nên cho nó mang cái tên là Nhựt Cầm vì nó không hòa thuận cùng đờn Sắt hay đờn Tranh thành đôi nhạc cụ uyên ương trống mái được.

II.- Đờn Kìm được chế tác vào thời nào ?

Trên khắp thế giới kể cả Trung Quốc, một nước láng giềng, nền văn hóa có nhiều điểm tương đồng với ta, cũng không thấy có nhạc cụ nào cấu trúc giống như Đờn Kìm, nhứt là cách gắn phím tra dây. Do đó ta có thể khẳng định nhạc cụ này hoàn toàn do nghệ nhân Việt Nam sáng chế, có chăng là chỉ mô phỏng theo đờn Diêu Cầm của vua Phục Hy về dịch lý âm dươngngũ hành, nhưng sáng chế hay cải tiến vào thời đại nào thì sách vở xưa nay chưa hề thấy nói đến, chỉ đến thời Hậu Lê, ta mới thấy rải rác trên sách vở có đề cập đến tên Nguyệt Cầm.

Thật vậy, quyển An Nam Chí Lược của Lê Tắc (1300) chỉ ghi : ...Vua Trần ngự trên điện Đoan Cung xem ca công vũ nữ múa hát. Khi nói về đờn khảy thì quyển này chỉ thấy đề cập đến đờn Cầm, đờn Tranh, đờn Tỳ Bà, đờn Thất Huyền, đờn Song Huyền ...

Sứ Giao Châu Tập của viên sứ giả nhà Nguyên viết về ca vũ đời Trần cũng chỉ ghi: khi dự yến ở điện Tập Hiền, có vài mươi người con trai, con gái ngồi dưới chiếu hát, có đờn Tranh đờn Tỳ Bà cùng hòa với nhau (Văn Thanh, Tìm Hiểu Ca Huế và Dân Ca Bình Trị Thiên).

Đến tài liệu sau đây, ta mới thấy đờn Nguyệt xuất hiện. Theo Vũ Trung Tùy Bút của Phạm Đình Hổ, đời Lê Cảnh Hưng (1740) có ông Nguyễn Đình Địch và ông Vũ Chỉ Đồng, cũng thích chơi đờn Nguyệt. Ông Vũ Chỉ Đồng học điệu Tàu, biết đủ các cung bực rồi khảy ra tiếng ta và xen theo các bài đờn Đáy, đờn Nguyệt, tiếng cứng tiếng mềm, dịu dàng hợp nhau, bụng nghĩ thế nào thì khảy thế đó.

Theo Việt Nam Ca Trù của Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề thì đờn Nguyệt có trước đờn Đáy. Về truyền thuyết Tổ cô đầu thì sách này ghi : Trong

Digitized by www.namkyluctinh.org

đời Lê có Đinh Lễ tự Nguyên Sinh quê làng Cổ Đạm (Hà Tĩnh) thường ôm Nguyệt Cầm đến bên suối khảy hòa với tiếng suối chảy, chim kêu, một hôm vào vườn gặp hai ông tiên Lý Thiết Quài và Lữ Đại Tiên dạy cách sáng chế ra đờn Đáy.

III.- Cấu trúc Đờn Kìm

Đờn Kìm của ta có hình thức không giống đờn Diêu Cầm của vua Phục Hy hay đờn Cầm thời vua Thuấn, nhưng thông số kỹ thuật và phương pháp tạo âm thanh có nhiều điểm tương đồng với hai nhạc cụ cổ này.

Để dễ thấy điểm tương đồng giữa Đờn Kìm và Diêu Cầm, tôi xin ghi sự cấu trúc của Diêu Cầm theo quyển Hiếu Cổ Đặc San III của học giả Vương Hồng Sển : Diêu Cầm do vua Phục Hy sáng chế, dài đo được 3 thước 6 tấc 1 phân (thước mộc) án theo 361 độ châu thiên, mặt trước rộng 8 tấc án theo 8 tiết, mặt sau rộng 4 tấc án theo 4 mùa, bề dày 2 tấc án theo lưỡng nghi, có 12 phím tượng trưng 12 tháng trong 1 năm, lại có 1 phím lẻ ở giữa tượng trưng tháng nhuần, trên mắc 5 dây, ngoài tượng ngũ hành, trong tượng ngũ âm: Cung, Thương, Vốc, Vũ, Chũy.

Đờn Kìm có thùng cộng hưởng hình tròn, đường kính 36 cm, bề dày của thùng 6,4 cm, trên thùng gắn yếm chạm hình dơi, trên đầu cần có dá đờn dài 12 cm, toàn bộ Đờn Kìm dài 108 cm, trên đầu cần gắn con cóc bằng cây, khoảng cách dây đờn để phát ra âm thanh tính từ miệng dơi đến đầu cóc dài 72 cm, cần đờn gắn 4 trục, trước kia gắn 4 dây (2 dây chập một), hiện nay 2 dây, gắn 8 phím, phát 9 thanh âm.

So sánh, chúng ta thấy Đờn Kìm của ta có con số kích thước dù tính theo thước tây vẫn đúng theo tỷ lệ tượng số học đông phương. Chiều dài Diêu Cầm và Đờn Kìm bằng nhau (3 thước 6 tấc 1 phân, tương đương 108 cm). Thùng Đờn Kìm mặt hình tròn án theo thái cực, trên mắc 2 dây án theo lưỡng nghi, dây Tồn trầm (dương), dây Tang bổng (âm), 4 trục án theo tứ tượng (4 mùa), gắn 8 phím án theo bát quái (8 tiết), khảy phát ra 9 âm thanh : Hò, Xự, Xang, Xê, Cống, Liu, Ú, Xáng, Xế, tượng trưng cho một vòng biến hóa hở từ số 1 đến số 9.

Mỗi âm thanh khi nhấn nhá tạo 4 âm thanh. Như vậy với 2 dây âm và dương, chúng ta biến ra được 36 + 36 = 72 âm thanh. Do đó, trong giới Nhạc Tài Tử Nam Bộ, thường cho rằng nhạc sĩ nào kết hợp nhuần nhuyễn 2 vòng biến hóa hở của âm và dương trên 2 dây đờn, tạo ra được 72 âm thanh nghe hay và tuyệt diệu thì đã đạt được trình độ thất thập nhị huyền công.

Đờn Kìm tuy số dây và số phím ít hơn đờn Diêu Cầm nhưng do nhấn nhá ta cũng đạt được một số lượng âm thanh rất dồi dào, phong phú, đủ khả năng diễn đạt được mọi lời nói và mọi tình cảm của con người.

Digitized by www.namkyluctinh.org

Đờn Kìm đến nay vẫn hiện đại. Cấu trúc của nó đã đạt được tất cả thông-số về kỹ thuật và các số này đều tương ứng với các thông số của tượng số học đông phương 1, 2, 4, 8, 12, 36, 64, 72, 108.

IV.- Kết Luận

Muốn bảo tồn và phát huy những vốn quí của dân tộc trong đó có vấn đề giữ gìn và cải tiến nhạc cụ, chúng ta đừng vội vàng căn cứ vào khoa học vật chất và triết học tây phương để phân tích và kết luận, có như thế mới tránh khỏi những sai lầm. Quan niệm Đông và Tây khác nhau về nhiều điểm. Nhạc ta theo hệ thống Nhạc ngũ cung đông phương. Nhạc tây phương theo bát độ (octave), bảy thanh, âm thanh bình quân. Người phương đông chuộng về phẩm không chuộng về lượng, bao giờ cũng dùng đến ôn nhu trong mọi cách xử thế nên trong lãnh vực âm nhạc, ta cũng dùng kỹ thuật mềm mại nhấn nhá để tạo ra chữ đờn. Nhạc cụ không cần nhiều phím, nhiều dây như nhạc cụ tây phương, vì tăng con số càng nhiều thì càng đi xa nguồn cội : Viễn Viết Phản, và Sanh Giả Nhu Nhược, Kỳ Tử Giả Kiên Cường "mền dẻo là hiện tượng của sự sống, cứng rắn là hiện tượng của cái chết" (Lão Tử).

Tóm lại, Đờn Kìm do những nghệ nhân Việt Nam của ta sáng chế ra, tạo được tính năng ôn nhu, thích hợp với dòng âm nhạc truyền thống dân tộc, nhứt là với Đờn ca tài tử Nam bộ. Ta không cần thêm dây thêm phím cho cây đờn kìm vì nó có đầy đủ tính năng, vẫn còn trẻ trung và hiện đại, đúng theo tinh thầnDịch học đông phương.

Hết Tập I

Digitized by www.namkyluctinh.org

MỤC LỤC – TẬP 1

Tên bài	Tựa	Trang
Lời nói đầu		1
Lược khảo		5

Phần chánh biên

I. Các bản Lý:

1. Lý Vọng Phu	*Vọng Phu*	16
2. Lý Giao Duyên	*Trông Chồng*	18
3. Lý Ngựa Ô Bắc	*Bùi Kiệm Trêu Nguyệt Nga*	18
4. Lý Ngựa Ô Nam	*Nguyễn Trãi Tiễn Cha*	18
5. Lý Ngựa Ô Nam	*Nguyễn Trãi Tiễn Cha*	20
6. Lý Con Sáo	*Ngắm Cảnh Khơi Nguồn*	20
7. Lý Con Sáo	*Ngắm Cảnh Khơi Nguồn*	22
8. Lý Phước Kiến	*Từ Thị Quốc Thái*	22

II. Các bản gốc miền Trung:

1. Lưu Thủy Đoản	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	24
2. Bình Bán Vắn	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ (tiếp theo)*	24
3. Kim Tiền Huế	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ (tiếp theo)*	26
4. Hành Vân	*Nợ Cái Duyên Gì*	28
5. Tứ Đại Cảnh	*Nhị Thập Tứ Hiếu*	28

III. Các bản Bắc:

A – Thập bát thủ:

1. Thủ Lưu Thủy Tẩu Mã	*Đội Gạo Nuôi Cha Mẹ*	32
2. Thủ Phú Lục Tẩu Mã	*Kiếm Sữa Hươu Nuôi Cha Mẹ*	32
3. Thủ Bình Bán Tẩu Mã	*Đùa Để Vui Cha Mẹ*	34
4. Thủ Cổ Bản Tẩu Mã	*Khóc Tre Nẩy Măng*	34
5. Thủ Xuân Tình Tẩu Mã	*Bán Mình Chôn Cha*	36
6. Thủ Tây Thi Tẩu Mã	*Hái Dâu Nuôi Mẹ*	38
7. Thủ Lưu Thủy Vắn	*Cho Mẹ Chồng Bú*	40
8. Thủ Phú Lục Vắn	*Quạt Nồng Ấp Lạnh*	42
9. Thủ Bình Bán Vắn	*Nghe Tiếng Sấm Khóc Mồ Mẹ*	44
10. Thủ Cổ Bản Vắn	*Bỏ Quan Chức Đi Tìm Mẹ*	46
11. Thủ Xuân Tình Vắn	*Giữ Hổ Cứu Cha*	50
12. Thủ Tây Thi Vắn	*Nằm Trên Băng Tìm Cá Chép*	52
13. Thủ Lưu Thủy Trường	*Lòng Hiếu Cảm Động Đến Trời*	54
14. Thủ Phú Lục Chấn	*Cắn Tay Mẹ Đau Lòng Con*	58
15. Thủ Bình Bán Chấn	*Hưng Đạo Đại Vương*	62
16. Thủ Cổ Bản Trường	*Ông Trương Công Định*	66
17. Thủ Xuân Tình Chấn	*Anh Hùng Lý Thường Kiệt*	74
18. Thủ Tây Thi Trường	*Bình Định Vương Lê Lợi*	78

Phần Phụ Lục

1. Kim Tiền Huế	*Xuân Nghĩa Tình*	89
2. Cửu Khúc Giang Nam	*Mộ Chiến Sĩ Vô Danh*	89
3. Liêu Giang	*Mẹ*	91
4. Tiểu Khúc	*Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trung Trực*	91
Bài Khảo Cứu	*Đờn Kìm Và Dịch Học Đông Phương*	94

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

MỤC LỤC

TẬP 1-5

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Lời nói đầu		1	1
Lược khảo		5	1

Phần chánh biên

I. Các bản Lý:

1 .	Lý Vọng Phu	*Vọng Phu*	16	1
2 .	Lý Giao Duyên	*Trông Chồng*	18	1
3 .	Lý Ngựa Ô Bắc	*Bùi Kiệm Trêu Nguyệt Nga*	18	1
4 .	Lý Ngựa Ô Nam	*Nguyễn Trãi Tiễn Cha*	18	1
5 .	Lý Ngựa Ô Nam	*Nguyễn Trãi Tiễn Cha*	20	1
6 .	Lý Con Sáo	*Ngắm Cảnh Khơi Nguồn*	20	1
7 .	Lý Con Sáo	*Ngắm Cảnh Khơi Nguồn*	22	1
8 .	Lý Phước Kiến	*Từ Thị Quốc Thái*	22	1

II. Các bản gốc miền Trung:

1 .	Lưu Thủy Đoản	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	24	1
2 .	Bình Bán Vắn	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ (tiếp theo)*	24	1
3 .	Kim Tiền Huế	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ (tiếp theo)*	26	1
4 .	Hành Vân	*Nợ Cái Duyên Gì*	28	1
5 .	Tứ Đại Cảnh	*Nhị Thập Tứ Hiếu*	28	1

III. Các bản Bắc:

A – Thập bát thủ:

1 .	Thủ Lưu Thủy Tẩu Mã	*Đội Gạo Nuôi Cha Mẹ*	32	1
2 .	Thủ Phú Lục Tẩu Mã	*Kiếm Sữa Hươu Nuôi Cha Mẹ*	32	1
3 .	Thủ Bình Bán Tẩu Mã	*Đùa Để Vui Cha Mẹ*	34	1
4 .	Thủ Cổ Bản Tẩu Mã	*Khóc Tre Nẩy Măng*	34	1
5 .	Thủ Xuân Tình Tẩu Mã	*Bán Mình Chôn Cha*	36	1
6 .	Thủ Tây Thi Tẩu Mã	*Hái Dâu Nuôi Mẹ*	38	1
7 .	Thủ Lưu Thủy Vắn	*Cho Mẹ Chồng Bú*	40	1
8 .	Thủ Phú Lục Vắn	*Quạt Nồng Ấp Lạnh*	42	1
9 .	Thủ Bình Bán Vắn	*Nghe Tiếng Sấm Khóc Mồ Mẹ*	44	1
10 .	Thủ Cổ Bản Vắn	*Bỏ Quan Chức Đi Tìm Mẹ*	46	1
11 .	Thủ Xuân Tình Vắn	*Giữ Hổ Cứu Cha*	50	1
12 .	Thủ Tây Thi Vắn	*Nằm Trên Băng Tìm Cá Chép*	52	1
13 .	Thủ Lưu Thủy Trường	*Lòng Hiếu Cảm Động Đến Trời*	54	1
14 .	Thủ Phú Lục Chấn	*Cắn Tay Mẹ Đau Lòng Con*	58	1
15 .	Thủ Bình Bán Chấn	*Hưng Đạo Đại Vương*	62	1
16 .	Thủ Cổ Bản Trường	*Ông Trương Công Định*	66	1
17 .	Thủ Xuân Tình Chấn	*Anh Hùng Lý Thường Kiệt*	74	1
18 .	Thủ Tây Thi Trường	*Bình Định Vương Lê Lợi*	78	1

Phần Phụ Lục

1 .	Kim Tiền Huế	*Xuân Nghĩa Tình*	89	1

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
2 . Cửu Khúc Giang Nam	*Mộ Chiến Sĩ Vô Danh*	89	1
3 . Liêu Giang	*Mẹ*	91	1
4 . Tiểu Khúc	*Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trung Trực*	91	1
Bài Khảo Cứu	*Đờn Kìm Và Dịch Học Đông Phương*	94	1

Phần chánh biên

B – Thập bát vĩ:

1 . Lưu Thủy Tẩu Mã	*Vân Tiên Cứu Nguyệt Nga*	100	2
2 . Phú Lục Tẩu Mã	*Nguyệt Nga Họa Tượng Vân Tiên*	100	2
3 . Bình Bán Tẩu Mã	*Vân Tiên Kết Bạn Hớn Minh*	102	2
4 . Cổ Bản Tẩu Mã	*Vân Tiên Kết Bạn Tử Trực*	102	2
5 . Xuân Tình Tẩu Mã	*Ông Quán*	104	2
6 . Tây Thi Tẩu Mã	*Ông Quán*	106	2
7 . Lưu Thủy Vắn	*Kiều Du Thanh Minh*	108	2
8 . Phú Lục Vắn	*Tiền Sử Việt Nam*	110	2
9 . Bình Bán Vắn	*Tích Đầm Nhứt Dạ*	110	2
10 . Cổ Bản Vắn	*Ngư Ông*	114	2
11 . Xuân Tình Vắn	*Bốn Vị Anh Hùng Chống Pháp*	116	2
12 . Tây Thi Vắn	*Trọng Thủy Mỵ Châu*	120	2
13 . Lưu Thủy Trường	*Bá Nha Tử Kỳ*	122	2
14 . Phú Lục Chấn	*Bá Nha Tử Kỳ (tiếp theo)*	126	2
15 . Bình Bán Chấn	*Nguyệt Nga Họa Tượng Vân Tiên*	130	2
16 . Cổ Bản Trường	*Tình Nghĩa Vợ Chồng*	134	2
17 . Xuân Tình Chấn	*Kiều Vãng Trọng Hiên*	140	2
18 . Tây Thi Trường	*Lễ Nhạc Giáo Hóa Dân Tâm*	146	2

C – 6 bản Bắc Tẩu Mã cải biên:

1 . Lưu Thủy Tẩu Mã	*Đường Quê*	152	2
2 . Phú Lục Tẩu Mã	*Đường Quê*	152	2
3 . Bình Bán Tẩu Mã	*Đường Quê*	154	2
4 . Xuân Tình Tẩu Mã	*Đường Quê*	154	2
5 . Tây Thi Tẩu Mã	*Đường Quê*	156	2
6 . Cổ Bản Tẩu Mã	*Đường Quê*	158	2

D – Bộ Ngũ Châu:

1 . Kim Tiền Bản	*Giống Rồng Tiên*	160	2
2 . Ngự Giá	*Từ Hải Lầm Mưu*	162	2
3 . Hồ Lan	*Thúy Kiều Lầm Mưu*	164	2
4 . Vạn Liên	*Dùng Mẹo Trị Côn Đồ*	164	2
5 . Song Phi Hồ Điệp	*Vọng Chinh Phu*	166	2

E – Bộ Tứ Bửu:

1 . Minh Hoàng Thưởng Nguyệt	*Khúc Nghê Thường*	168	2
2 . Ngự Giá Đăng Lâu	*Tửu, Nhạc Đăng Lâu*	170	2
3 . Phò Mã Giao Duyên	*Đêm Vu Quy*	172	2
4 . Ái Tử Kê	*Thương Bầy Gà Con*	174	2

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Phần Phụ Lục			
1. Tứ Đại Oán	*Bùi Kiệm, Bùi Ông, Nguyệt Nga*	181	2
2. Bình Bán Vắn	*Bùi Kiệm Thi Rớt*	185	2
3. Hành Vân	*Hội Ca Cầm*	185	2
4. Tây Thi Vắn	*Tài Sắc Tây Thi*	186	2
5. Cổ Bản Vắn	*Trang Tử Thử Vợ*	187	2
Bài Khảo Cứu	*Từ Tứ Đại Cảnh Đến Tứ Đại Oán*	190	2
Phần chánh biên			
F – Bộ Thập Thủ Liên Hườn:			
1. Phẩm Tuyết	*Thú Cầm*	194	3
2. Nguyên Tiêu	*Thú Kỳ*	196	3
3. Hồ Quảng	*Thú Thi*	198	3
4. Liên Hườn	*Thú Họa*	198	3
5. Bình Nguyên	*Thú Rượu*	200	3
6. Tây Mai	*Thú Trà*	204	3
7. Kim Tiền	*Thú Bè Bạn*	204	3
8. Xuân Phong	*Thú Yêu Đương*	206	3
9. Long Hổ	*Thú Đợi Chờ*	206	3
10. Tẩu Mã	*Thú Cô Đơn*	208	3
G – Cửu Nhĩ:			
11. Hội Ngươn Tiêu	*Thúy Kiều Hoa Viên Ngộ*	211	3
12. Bát Bản Chấn	*Thúy Kiều Tống Trọng Qui Tang*	212	3
IV. Các bài Nhạc Lễ:			
1. Xàng Xê	*Thúy Kiều Vịnh Tích*	220	3
2. Ngũ Đối Thượng	*Kiều Du Thanh Minh*	226	3
3. Ngũ Đối Hạ	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	234	3
4. Long Đăng	*Kiều Vãng Trọng Hiên*	238	3
5. Long Ngâm	*Tống Trọng Qui Tang*	242	3
6. Vạn Giá	*Biệt Mãi Thanh Lâu*	244	3
7. Tiểu Khúc	*Dữ Thúc Thành Hôn*	250	3
8. Ngũ Đối Ai	*Công Ơn Cha Mẹ*	252	3
9. Chiết Tứ Vĩ	*Kinh Kha Náo Tần Đình*	256	3
V. Các bản Nam:			
1. Nam Xuân	*Tích Thúy Kiều*	260	3
2. Nam Ai	*Tích Thúy Kiều (tiếp theo)*	268	3
3. Đảo Ngũ Cung	*Tích Thúy Kiều (tiếp theo)*	278	3
Phần Phụ Lục			
1. Đảo Ngũ Cung	*Gương Mê Sắc*	291	3
2. Bài Khảo Cứu	*Đờn Tỳ Bà Với Nhạc Tài Tử*	295	3

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Phần chánh biên			
VI. Các bản Oán:			
1 . Tứ Đại Vắn	*Thúy Kiều Tự Trầm*	300	4
2 . Tứ Đại Oán	*Bá Lý Hề*	303	4
3 . Phụng Hoàng Cầu	*Bỉ Vận Kiều Nương*	310	4
4 . Giang Nam Cửu Khúc	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	320	4
5 . Phụng Cầu Hoàng Duyên	*Tư Mã Tương Như*	332	4
6 . Ngươn Tiêu Hội Oán	*Đoạn Trường Tân Thanh*	340	4
7 . Võ Văn Hội Oán	*Khí Tiết Thủ Khoa Huân*	346	4
8 . Bình Sa Lạc Nhạn	*Khúc Đoạn Trường*	352	4
9 . Thanh Dạ Đề Quyên	*Chinh Phụ Thán Ca*	360	4
VII. Tám bản Ngự:			
1 . Đường Thái Tôn	*Cảnh Xuân*	368	4
2 . Vọng Phu	*Xuân Nhựt Hoài Cố Nhân*	370	4
3 . Chiêu Quân	*Cảm Xuân Chúc Cẩm Hồi Văn*	372	4
4 . Ái Tử Kê	*Thương Bầy Gà Con*	374	4
5 . Bát Man Tấn Cống	*Lạc Xuân*	374	4
6 . Tương Tư	*Nguyệt Nga Ký Ngụ Lão Bà*	380	4
7 . Duyên Kỳ Ngộ	*Nguyệt Nga Từ Biệt Kim Liên*	384	4
8 . Quả Phụ Hàm Oan	*Thuyền Quyên Bạc Phận*	388	4
Phần Phụ Lục			
1 . Ba Bản Nam	*Tô Huệ Chức Cẩm Hồi Văn*	395	4
2 . Xàng Xê	*Kho Vàng Sầm Sơn*	404	4
Bài Khảo Cứu	*Giỗ Tổ Nhạc Lễ*	407	4
Phần chánh biên			
VIII. Các bản Ai Oán:			
1 . TrườngTương Tư	*Phu Phụ Ly Sầu*	414	5
2 . Văn Thiên Tường	*Bá Lý Hề*	416	5
3 . Võ Tắc Biệt	*Anh Hùng Nguyễn Trung Trực*	424	5
4 . Võ Tắc Biệt	*Mẹ*	430	5
5 . Xuân Nữ	*Oan Án Lệ Chi Viên*	434	5
6 . Khổng Tử Khóc Nhan Hồi	*Khấp Phục Thánh Nhan Tử*	438	5
7 . Chinh Phụ Ly Tình	*Chinh Phụ Thán*	440	5
IX. Các bản có nhiều Hơi Điệu:			
1 . Liêu Giang	*Chinh Phụ Thán*	442	5
2 . Ngũ Quan	*Con Tế Mẹ*	444	5
3 . Dạ Cổ Hoài Lang	*Dạ Cổ Hoài Lang*	444	5
4 . Tứ Bửu Liêu Thành	*Tiếng Quê Hương*	446	5
5 . Ngũ Châu Minh Phổ	*Thú Cầm Ca*	450	5
6 . Nam Âm Ngũ Khúc	*Nguyễn Trãi Bình Ngô*	454	5

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
7 . Ngũ Cung Luân Hoán	*Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trãi*	458	5
8 . Khúc Hận Nam Quan	*Khúc Hận Nam Quan*	460	5
9 . Ngũ Khúc Long Phi	*Xuân Lịch Sử*	466	5
X. Tam Bắc nhị Oán:			
1 . Hội Huê Đăng	*Cảnh Xuân*	468	5
2 . Lục Luật Tiêu Hà	*Từ Hải Sa Cơ*	472	5
3 . Bắc Ngự	*Bá Nha Tử Kỳ*	476	5
4 . Quả Phụ Hàm Oan	*Thân Phận Thúy Kiều*	480	5
5 . Xuân Tình Bát Oán	*Mẹ Dạy Con*	486	5
Phần Phụ Lục			
1 . Ngũ Đối Hạ	*Tôn Tẫn Bàng Quyên Tầm Sư Học Đạo*	499	5
2 . Long Đăng	*Bàng Quyên Xhống Núi*	501	5
3 . Tiểu Khúc	*Bàng Quyên Chặt Chơn Tôn Tẫn*	503	5

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org